**NGÂN HÀNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN NĂM 2018**

**Môn: Chuyên ngành (Tiểu học từ hạng III lên hạng II)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 1 | Theo anh( chị ),năng lực được cấu thành từ các yếu tố nào? | Tri thức | Kĩ năng | Các điều kiện tâm lí | Tất cả các đáp án trên đều đúng | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 1.2-Trang 202 |
| 2 | Theo khoa học giáo dục, năng lực được phân thành mấy loại? | 5 | 4 | 3 | 2 | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 1.3-Trang 202 |
| 3 | Để phát triển đội ngũ giáo viên tiểu học cần phải đáp ứng mấy yêu cầu | 1 | 2 | 3 | 4 | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2-Trang 205 |
| 4 | Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học, ban hành theo quyết định nào? | Quyết định số 14/2006/QĐ-BGDĐT ngày 04/05/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. | Quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/05/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. | Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 04/05/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. | Quyết định số 14/2009/QĐ-BGDĐT ngày 04/05/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1-Trang 205 |
| 5 | Quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/05/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về nội dung gì? | Trình độ đào tạo của giáo viên tiểu học. | Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học. | Chuẩn đạo đức giáo viên tiểu học. | Năng lực hiểu biết của giáo viên tiểu học. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1-Trang 205 |
| 6 | Theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT Ban hành Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học, để đánh giá xếp loại giáo viên cần dựa vào những lĩnh vực nào? | Lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống ; lĩnh vực kiến thức và lĩnh vực kĩ năng sư phạm. | Lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống ; lĩnh vực quản lí và lĩnh vực kĩ năng sư phạm. | Lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống ; lĩnh vực quản lí và lĩnh vực giảng dạy | Lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; lĩnh vực kiến thức. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1-Trang 205-209 |
| 7 | Đánh giá giáo viên tiểu học theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học gồm mấy lĩnh vực và mấy yêu cầu? | 3 lĩnh vực, 15 yêu cầu | 5 lĩnh vực, 20 yêu cầu | 4 lĩnh vực, 16 yêu cầu | 3 lĩnh vực, 20 yêu cầu | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1-Trang 205-212 |
| 8 | Theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/5/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học, mỗi yêu cầu có bao nhiêu tiêu chí? | 6 tiêu chí | 5 tiêu chí | 4 tiêu chí | 3 tiêu chí | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1-Trang 205-212 |
| 9 | Một trong những tiêu chí theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học về "**Chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước"** là: | Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. | Có thái độ lao động đúng mực; hoàn thành các nhiệm vụ được phân công; cải tiến công tác quản lý học sinh trong các hoạt động giảng dạy và giáo dục. | Chấp hành các quyết định của pháp luật, đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gia đình và khu dân cư. | Chấp hành các Quy chế, Quy định của ngành, có nghiên cứu và có giải pháp thực hiện. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1.1-Trang 206 |
| 10 | Yêu cầu “ **Chấp hành qui chế của ngành, quy định của nhà trường, kỉ luật lao động**” thuộc lĩnh vực nào trong Chuẩn nghề nghiệp của giáo viên tiểu học?: | Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống. | Kiến thức | Kĩ năng sư phạm. | Phẩm chất chính trị | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1-Trang 205-206 |
| 11 | Một trong những tiêu chí theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học về "**Chấp hành quy chế của ngành, quy định của nhà trường, kỷ luật lao động"** là: | Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. | Tham gia đóng góp xây dựng và nghiêm túc thực hiện quy chế hoạt động của nhà trường. | Chấp hành các quyết định của pháp luật, đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gia đình và dan cư. | Thực hiện nghiêm túc các quy định của địa phương. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1.1-Trang 206 |
| 12 | Một trong những tiêu chí theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học về "**Chấp hành quy chế của ngành, quy định của nhà trường, kỷ luật lao động"** là: | Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. | Đảm bảo ngày công; lên lớp đúng giờ, không tùy tiện bỏ lớp học, bỏ tiết dạy, chịu trách nhiệm về chất lượng giảng dạy và giáo dục ở lớp được phân công. | Chấp hành các quyết định của pháp luật, đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gia đình và khu vực; đảm bảo ngày công; lên lớp đúng giờ. | Thực hiện nghiêm túc các quy định của địa phương. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1.1-Trang 206-207 |
| 13 | Tiêu chí **“Có tinh thần tự học, phấn đấu nâng cao phẩm chất, đạo đức, trình độ chính trị chuyên môn, nghiệp vụ; thường xuyên rèn luyện sức khoẻ.**” thuộc yêu cầu nào trong Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học? | Chấp hành quy chế của ngành, quy định của nhà trường, kỷ luật lao động. | Chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước. | Kiến thức về tâm lý học sư phạm và tâm lý học lứa tuổi, giáo dục học tiểu học. | Đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo; tinh thần đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực; ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp; sự tín nhiệm của đồng nghiệp, học sinh và cộng đồng. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1.1-trang 207 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 14 | Một trong những tiêu chí theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học về "Đ**ạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo."** là: | Không làm các việc vi phạm phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; không xúc phạm danh dự, nhân phẩm đồng nghiệp, nhân dân và học sinh. | Tham gia đóng góp xây dựng các hoạt động của xã hội. | Có tinh thần chia sẻ công việc với đồng nghiệp. | Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và các Nghị quyết của địa phương. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1.1-Trang 207 |
| 15 | Tiêu chí " **Hết lòng giảng dạy và giáo dục học sinh bằng tình thương yêu, công bằng và trách nhiệm của một nhà giáo."** thuộc yêu cầu nào trong Chuẩn nghề nghiệp của giáo viên tiểu học? | Nhận thức tư tưởng chính trị với trách nhiệm của một công dân, một nhà giáo. | Chấp hành quy chế của ngành, quy định của nhà trường, kỷ luật lao động. | Tham gia đóng góp xây dựng các hoạt động của xã hội. | Trung thực trong công tác; đoàn kết trong quan hệ đồng nghiệp; phục vụ nhân dân và học sinh. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1.1-Trang 207 |
| 16 | Một trong những tiêu chí theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học về "**Kiến thức về tâm lý học sư phạm và tâm lý học lứa tuổi, giáo dục học tiểu học."** là: | Nắm vững trình tự bài giảng. | Soạn giảng đảm bảo đầy đủ nội dung và kiến thức ở các môn học. | Thực hiện phương pháp giáo dục học sinh cá biệt có kết quả. | Lên lớp đúng giờ quy định. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1.1-Trang 208 |
| 17 | Tiêu chí **“Có khả năng soạn được các đề kiểm tra theo yêu cầu chỉ đạo chuyên môn, đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng môn học và phù hợp với các đối tượng học sinh.”** thuộc yêu cầu nào trong Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học ? | Kiến thức cơ bản | Kiến thức về tâm lí học sư phạm và tâm lí học lứa tuổi, giáo dục học tiểu học. | Kiến thức về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh. | Xây dựng, bảo quản và sử dụng hiệu quả hồ sơ giáo dục và giảng dạy. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1.1-Trang 208-209 |
| 18 | Tiêu chí **“Có hiểu biết về tin học, hoặc ngoại ngữ, hoặc tiếng dân tộc nơi giáo viên công tác, hoặc có báo cáo chuyên đề nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ.”** thuộc yêu cầu nào trong Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học? | Kiến thức địa phương về nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh, huyện, xã nơi giáo viên công tác. | Chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước. | Kiến thức về tâm lý học sư phạm và tâm lý học lứa tuổi, giáo dục học tiểu học. | Kiến thức phổ thông về chính trị, xã hội và nhân văn, kiến thức liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ, tiếng dân tộc. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1.1-Trang 209 |
| 19 | Tiêu chí **“Có kế hoạch dạy học từng tuần thể hiện lịch giảng dạy các tiết học và các hoạt động giáo dục học sinh.”** thuộc yêu cầu nào trong Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học ? | Lập kế hoạch dạy học; biết cách soạn giáo án theo hướng đổi mới. | Công tác chủ nhiệm lớp; tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp. | Xây dựng, bảo quản và sử dụng hiệu quả hồ sơ giáo dục và giảng dạy. | Kiến thức cơ bản | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1.1-Trang 209 |
| 20 | Tiêu chí **“Lời nói rõ ràng, rành mạch, không nói ngọng khi giảng dạy và giao tiếp trong pham vi nhà trường; viết chữ đúng mẫu; biết cách hướng dẫn học sinh giữ vở sạch và viết chữ đẹp.”** thuộc yêu cầu nào trong Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học? | Công tác chủ nhiệm lớp; tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. | Tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học trên lớp phát huy được tính năng động sáng tạo của học sinh. | Kiến thức về tâm lý học sư phạm và tâm lý học lứa tuổi, giáo dục học tiểu học. | Kiến thức cơ bản | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1.1-Trang 210 |
| 21 | Tiêu chí **“Tổ chức các buổi ngoại khóa hoặc tham quan học tập, sinh hoạt tập thể thích hợp; phối hợp với Tổng phụ trách, tạo điều kiện để Đội thiếu niên, Sao nhi đồng thực hiện các hoạt động tự quản.”** thuộc yêu cầu nào trong Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học ? | Chấp hành quy chế của ngành, quy định của nhà trường, kỷ luật lao động. | Thực hiện thông tin hai chiều trong quản lý chất lượng giáo dục; hành vi trong giao tiếp, ứng xử có văn hoá và mang tính giáo dục. | Công tác chủ nhiệm lớp; tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. | Tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học trên lớp phát huy được tính năng động sáng tạo của học sinh. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1.1-trang 210-211 |
| 22 | Tiêu chí **“Họp phụ huynh học sinh đúng quy định, có sổ liên lạc thông báo kết quả học tập của từng học sinh, tuyệt đối không phê bình học sinh trước lớp hoặc toàn thể phụ huynh; lắng nghe và cùng phụ huynh điều chỉnh biện pháp giúp đỡ học sinh tiến bộ.”** thuộc yêu cầu nào trong Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học ? | Chấp hành quy chế của ngành, quy định của nhà trường, kỷ luật lao động. | Thực hiện thông tin hai chiều trong quản lý chất lượng giáo dục; hành vi trong giao tiếp, ứng xử có văn hoá và mang tính giáo dục. | Công tác chủ nhiệm lớp; tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. | Lập được kế hoạch dạy học. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.1.1-trang 211 |
| 23 | Một trong những tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ là: | Chủ động, tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học. | Chủ động, tích cực phối hợp với đồng nghiệp và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học. | Phối hợp cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học. | Tích cực phối hợp với cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.2-Trang 212 |
| 24 | Một trong những tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ là: | Tích cực vận dụng và có khả năng phổ biến sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm NCKHSPUD từ cấp tổ trở lên. | Tích cực vận dụng và có khả năng phổ biến sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm NCKHSPUD từ cấp trường trở lên. | Tích cực vận dụng và có khả năng phổ biến sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm NCKHSPUD từ cấp huyện trở lên. | Tích cực vận dụng và có khả năng phổ biến sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm NCKHSPUD từ cấp tỉnh trở lên. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.2-Trang 212 |
| 25 | Một trong những tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ là: | Được công nhận là Lao động tiến tiến hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên. | Được công nhận là CSTĐ cấp tỉnh hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp tỉnh trở lên. | Được công nhận là CSTĐ cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp tỉnh trở lên. | Được công nhận là CSTĐ cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp huyện trở lên. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.2-Trang 212 |
| 26 | Một trong những vai trò của giáo viên tiểu học trong bối cảnh xã hội hiện nay là: |  Phát triển chương trình giáo dục và chương trình dạy học sinh. | Phối hợp với cộng đồng và viết sách cho học sinh. | Công tác phổ cập và chương trình dạy học sinh. | Hướng dẫn đồng nghiệp và viết sáng kiến kinh nghiệm. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.1-Trang 213 |
| 27 | Một trong những vai trò của giáo viên tiểu học trong bối cảnh xã hội hiện nay là: | Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tổ chức cho học sinh học và tự học; học hợp tác có hướng dẫn của PHHS và hỗ trợ của cộng đồng. | Phối hợp với cộng đồng và viết sách cho học sinh. | Công tác phổ cập và chương trình dạy học sinh. | Hướng dẫn đồng nghiệp và viết sáng kiến kinh nghiệm. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.1-Trang 214 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 28 | Một trong những vai trò của giáo viên tiểu học trong bối cảnh xã hội hiện nay là: | HS được tạo cơ hội, tạo hứng thú, tích cực đề xuất sáng kiến trong học tập. | Chú trọng tới dạy học tích hợp và dạy học phân hóa; định hướng giáo dục tới từng cá nhân học sinh, theo từng phong cách học của học sinh. | HS được khuyến khích, tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo và hợp tác. | HS chủ động, tích cực tham gia các hoạt động học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.1-Trang 214 |
| 29 | Để thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo theo yêu cầu đổi mới CTGDPT cần theo tiến trình mấy bước? | 2 | 3 | 4 | 5 | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.2-Trang 214-223 |
| 30 | Tiến trình 5 bước để tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ theo yêu cầu đổi mới CTGDPT là: | Khảo sát thực trạng đội ngũ-Phân tích thực trạng-Đề xuất giải pháp-Tổ chức thực hiện-Đánh giá và điều chỉnh kế hoạch. | Khảo sát thực trạng đội ngũ-Phân tích thực trạng-Đề xuất giải pháp và điều chỉnh kế hoạch-Tổ chức thực hiệnĐánh giá. | Khảo sát thực trạng đội ngũ-Phân tích thực trạng-Đề xuất giải pháp-Tổ chức thực hiện và điều chỉnh kế hoạchĐánh giá.  | Khảo sát thực trạng đội ngũ-Phân tích thực trạng-Tổ chức thực hiện-Đề xuất giải pháp-Đánh giá và điều chỉnh kế hoạch. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.2-Trang 214 |
| 31 | Khi khảo sát thực trạng năng lực đội ngũ nhà giáo cần theo mấy tiêu chí? | 6 | 8 | 10 | 11 | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.2-Trang 214-222 |
| 32 | Khảo sát chỉ báo" **Biết được đặc điểm các loại hình trí thông minh của học sinh, các tiêu chí đánh giá các loại hình trí thông minh của học sinh.**" thuộc tiêu chí nào? | Năng lực giáo dục học sinh có hành vi không mong đợi. | Năng lực tư vấn và tham vấn giáo dục tiểu học. | Năng lực tìm hiểu người học và môi trường giáo dục. | Năng lực chủ nhiệm lớp. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.2-Trang 214 |
| 33 | Khảo sát chỉ báo" **Biết thiết kế môi trường dạy học các môn học cho học sinh tiểu học.**" thuộc tiêu chí nào? | Năng lực giải quyết các tình huống sư phạm. | Năng lực dạy học các môn. | Năng lực giao tiếp. | Năng lực chủ nhiệm lớp. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.2-Trang 216 |
| 34 | Khảo sát chỉ báo" **Tổ chức các hoạt động kĩ năng xã hội, kĩ năng sống và giá trị sống."** thuộc tiêu chí nào? | Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục kĩ năng xã hội, kĩ năng sống và giá trị sống. | Năng lực giải quyết các tình huống sư phạm. | Năng lực tìm hiểu người học và môi trường giáo dục. | Năng lực chủ nhiệm lớp. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.2-Trang 217 |
| 35 | Khảo sát chỉ báo" **Vận dụng các PPDH, hình thức dạy học và kĩ thuật dạy học trong thiết kế, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.**" thuộc tiêu chí nào? | Năng lực giải quyết các tình huống sư phạm. | Năng lực dạy học các môn. | Năng lực chủ nhiệm lớp. | Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.2-Trang 217-218 |
| 36 | Khảo sát chỉ báo" **Biết dự kiến các nhóm tình huống sư phạm thường gặp trong giáo dục học sinh tiểu học**" thuộc tiêu chí nào? | Năng lực giải quyết các tình huống sư phạm. | Năng lực giáo dục học sinh có hành vi không mong đợi. | Năng lực chủ nhiệm lớp. | Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.2-Trang 219 |
| 37 | Khảo sát chỉ báo" **Phân tích một số nguyên nhân, một số đặc điểm và vấn đề tâm lí của học sinh; từ đó tìm ra động cơ, biến đổi của hành vi không mong đợi của học sinh**" thuộc tiêu chí nào? | Năng lực giải quyết các tình huống sư phạm. | Năng lực giáo dục học sinh có hành vi không mong đợi. | Năng lực chủ nhiệm lớp. | Năng lực dạy học các môn. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.2-Trang 219 |
| 38 | Khảo sát chỉ báo" **Biết một số cách thức tác động đối với học sinh có năng khiếu đặc biệt hoặc học sinh chậm phát triển**" thuộc tiêu chí nào? | Năng lực chủ nhiệm lớp. | Năng lực giáo dục học sinh có hành vi không mong đợi. | Năng lực tư vấn và tham vấn học sinh tiểu học. | Năng lực giao tiếp. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.2-Trang 219-220 |
| 39 | Khảo sát chỉ báo" **Kiến thức về dạy học tích hợp và dạy học phân hóa**" thuộc tiêu chí nào? | Năng lực chủ nhiệm lớp. | Năng lực dạy học các môn. | Năng lực tư vấn và tham vấn học sinh tiểu học. | Năng lực hiểu biết các kiến thức khoa học nền tảng rộng, liên môn. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.2-Trang 220 |
| 40 | Khảo sát chỉ báo" **Biết cách xây dựng kế hoạch công tác chủ nhiệm: tuần, tháng, kì, năm**" thuộc tiêu chí nào? | Năng lực chủ nhiệm lớp. | Năng lực dạy học các môn. | Năng lực giao tiếp. | Năng lực giải quyết các tình huống sư phạm. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.2-Trang 222 |
| 41 | Khảo sát tiêu chí" **Năng lực giao tiếp**" có những chỉ báo nào? | Giao tiếp với học sinh; giao tiếp với phụ huynh và cộng đồng. | Giao tiếp với đồng nghiệp; giao tiếp với học sinh; giao tiếp với phụ huynh và cộng đồng. | Giao tiếp với đồng nghiệp; giao tiếp với phụ huynh và cộng đồng. | Giao tiếp với học sinh; giao tiếp với phụ huynh và cộng đồng. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.2-Trang 222 |
| 42 | Phân tích thực trạng năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học nhằm mục đích gì? | Nhằm cải tiến liên tục chất lượng trường học. | Nhằm cải tiến liên tục chất lượng học sinh. | Nhằm cải tiến liên tục chất lượng giáo viên. | Nhằm cải tiến liên tục chất lượng dạy và học. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.2-Trang 222 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 43 | Một trong những giải pháp tổng quát để phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên tiểu học là: | Đổi mới sinh hoạt chuyên môn.  | Tăng cường NCKH giáo dục tiểu học. | Tăng cường hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ. | Tất cả các đáp án trên đều đúng | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.2-Trang 222-223 |
| 44 | Một trong những giải pháp tổng quát để phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên tiểu học là: | Bắt buộc giáo viên tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nâng cao năng lực ngoại ngữ và tin học để ứng dụng trong hoạt động nghề nghiệp. | Khuyến khích giáo viên tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nâng cao năng lực ngoại ngữ và tin học để ứng dụng trong hoạt động nghề nghiệp. | Giáo viên tham dự các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm. | Yêu cầu giáo viên phải chuẩn hóa bằng cấp, có các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học ứng dụng. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.2-Trang 222-223 |
| 45 | Nhà trường sử dụng kết quả đánh giá năng lực phát triển nghề nghiệp của giáo viên để làm gì? | Xếp loại giáo viên cuối năm. | Xếp loại giáo viên định kì, cuối năm. | Giúp mỗi giáo viên lập kế hoạch cá nhân cho mình để khắc phục những hạn chế cũng như phát huy những ưu thế nghề nghiệp của bản thân. | Xét nâng lương theo niên hạn hoặc nâng lương trước thời hạn. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 2.3.2-Trang 223 |
| 46 | Việc làm nào sau đây thể hiện sự hợp tác sử dụng đội ngũ giữa các trường? | Trao đổi nguồn nhân lực giữa các trường để mỗi trường có được những giáo viên chất lượng. | Trao đổi thiết bị dạy học giữa các trường để mỗi trường có được những thiết bị chất lượng. | Trao đổi học sinh giữa các trường để mỗi trường có được những học sinh chất lượng. | Luân chuyển lãnh đạo giữa các trường để mỗi trường có được những lãnh đạo chất lượng. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 3.1-Trang 224 |
| 47 | Một trong những hoạt động hợp tác bồi dưỡng giáo viên có hiệu quả là: | Thành lập các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm của từng khối lớp riêng biệt. | Tạo ra mạng lưới các trường tiểu học hoặc diễn đàn trao đổi các vấn đề chuyên môn có sự tham gia của đa dạng kiểu trường và sự tham gia của nhiều giáo viên ở các vị trí và chuyên môn giảng dạy khác nhau. | Tạo ra mạng lưới các khối lớp trong trường tiểu học nhằm trao đổi các vấn đề chuyên môn có sự tham gia của nhiều giáo viên ở các vị trí và chuyên môn giảng dạy khác nhau. | Tạo ra mạng lưới các trường tiểu học hoặc diễn đàn trao đổi các vấn đề chuyên môn của từng môn học riêng biệt. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 3.2-Trang 225 |
| 48 | Một trong những hoạt động hợp tác bồi dưỡng giáo viên có hiệu quả là: | Trao đổi thiết bị dạy học giữa các trường để mỗi trường có được những thiết bị chất lượng. | Trao đổi học sinh giữa các trường để mỗi trường có được những học sinh chất lượng. | Thành lập các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm của từng khối lớp riêng biệt. | Chia sẻ những bài học kinh nghiệm, sáng kiến kinh nghiệm hoặc giải pháp thực tiễn mà mỗi GV, mỗi trường, mỗi địa phương đã áp dụng thành công. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 3.2-Trang 225 |
| 49 | Một trong những biện pháp chỉ đạo việc hỗ trợ liên kết các trường của các cơ quan quản lí giáo dục là: | Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, chuyên đề, hội thảo, trao đổi giáo viên, chia sẻ kinh nghiệm theo cụm trường. | Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, chuyên đề, hội thảo, trao đổi giáo viên, chia sẻ kinh nghiệm theo trong trường.  | Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, chuyên đề, hội thảo, trao đổi giáo viên, chia sẻ kinh nghiệm theo khối lớp trong trường. | Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, chuyên đề, hội thảo, trao đổi học sinh, chia sẻ kinh nghiệm theo từng lớp. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 3.3-Trang 226 |
| 50 | Một trong những biện pháp chỉ đạo việc hỗ trợ liên kết các trường của các cơ quan quản lí giáo dục là: | Xây dựng mô hình trường học mới. | Xây dựng mô hình trường học kiểu mẫu. | Xây dựng mô hình trường học kết nối theo đặc thù địa phương. | Xây dựng mô hình lớp học có sự tham gia của PHHS. | Chuyên đề 6. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II- Mục 3.3-Trang 226 |
| 51 | Theo anh (chị), bản chất của văn hóa nhà trường thể hiện qua những mặt nào?  | Thể hiện qua hệ thống giá trị ổn định và tương đối bền vững được sản sinh và được chứa đựng trong những truyền thống tích cực. | Thể hiện trong sức mạnh và năng lực hiện tại, trong dư luận xã hội đang hiện diện. | Thể hiện trong phong cách và hiệu quả hoạt động của nhà trường (tổ chức giáo dục). | Tất cả các đáp án trên đều đúng. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II. Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 1. Xây dựng văn hóa nhà trường và phát triển thương hiệu. Trang 359. |
| 52 | Theo anh (chị), đối với trường tiểu học, nét nổi bật nhất của văn hóa nhà trường là gì?  | Môi trường học tập, rèn luyện của trẻ và môi trường giảng dạy của thầy, cô giáo. | Môi trường học tập của trẻ và môi trường phát triển nghề nghiệp của thầy, cô giáo.  | Môi trường học tập, rèn luyện của trẻ và phát triển nghề nghiệp của thầy, cô giáo và CNV. | Môi trường học tập, rèn luyện của trẻ và môi trường phát triển nghề nghiệp của thầy, cô giáo.  |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II. Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 1. Xây dựng văn hóa nhà trường và phát triển thương hiệu. Trang 359. |
| 53 | Theo anh (chị), cấu trúc văn hóa nhà trường thể hiện qua các lĩnh vực đặc trưng nào? | 5 lĩnh vực đặc trưng: văn hóa quản lí giáo dục; văn hóa học tập, chia sẻ; văn hóa dạy học; văn hóa tư vấn; văn hóa cộng đồng và giao tiếp. | 4 lĩnh vực đặc trưng: văn hóa quản lí giáo dục; văn hóa học tập, chia sẻ; văn hóa dạy học và tư vấn; văn hóa cộng đồng và giao tiếp. | 3 lĩnh vực đặc trưng: văn hóa quản lí giáo dục; văn hóa học tập, chia sẻ; văn hóa dạy học và tư vấn. | 2 lĩnh vực đặc trưng: văn hóa quản lí giáo dục và văn hóa học tập, chia sẻ.  |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II. Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 1. Xây dựng văn hóa nhà trường và phát triển thương hiệu. Trang 359. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 54 | Trong xây dựng văn hóa nhà trường, cốt lõi của văn hóa quản lí giáo dục là: | Kĩ năng ra quyết định, kĩ năng giải quyết vấn đề và kĩ năng thể hiện phong cách quản lí.  | Kĩ năng ra quyết định và kĩ năng giải quyết vấn đề phù hợp với quá trình giải quyết vấn đề. | Kĩ năng ra quyết định, kĩ năng giải quyết vấn đề và kĩ năng thể hiện phong cách quản lí thích hợp với quá trình giải quyết vấn đề.  | Kĩ năng ra quyết định, kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng thể hiện phong cách quản lí và kĩ năng hợp tác.  |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II. Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 1. Xây dựng văn hóa nhà trường và phát triển thương hiệu. Trang 360. |
| 55 | Theo anh (chị), văn hóa giảng dạy (dạy học) thể hiện những giá trị tích cực trong kĩ năng nào? | Kĩ năng dạy học và phong cách dạy học chuyên nghiệp. | Kĩ năng dạy học và giao tiếp sư phạm. | Kĩ năng dạy học và kĩ năng giải quyết vấn đề. | Kĩ năng dạy học và các kĩ năng khác. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II. Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 1. Xây dựng văn hóa nhà trường và phát triển thương hiệu. Trang 360. |
| 56 | Theo anh (chị), trong văn hóa giảng dạy thì tiêu chí nào sau đây là tiêu chí quyết định ? | Chất lượng đội ngũ. | Chất lượng người học. | Hiệu quả quản lí. | Hiệu quả dạy học. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II. Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 1. Xây dựng văn hóa nhà trường và phát triển thương hiệu. Trang 361. |
| 57 | Văn hóa học tập hiện đại đã được UNESCO khái quát trong mấy luận điểm? Đó là những luận điểm nào? | 4 luận điểm: Học để biết, Học để làm việc, Học để sống cùng nhau và Học để trở thành chính mình. | 4 luận điểm: Học để biết, Học để làm việc, Học để sống cùng nhau và Học để làm người. | 3 luận điểm: Học để biết, Học để làm việc và Học để trở thành chính mình. | 3 luận điểm: Học để biết, Học để làm việc và Học để sống cùng nhau. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II. Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 1. Xây dựng văn hóa nhà trường và phát triển thương hiệu. Trang 361. |
| 58 | Theo anh (chị), văn hóa học tập tập trung ở những giá trị bền vững và kiên định nào? | Trong phong cách học tập hiệu quả của người học | Trong niềm tin, nhu cầu và các kĩ năng của người học. | Trong niềm tin, nhu cầu, kĩ năng và phong cách học tập hiệu quả của người học. | Trong các kĩ năng và phong cách học tập hiệu quả của người học. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II. Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 1. Xây dựng văn hóa nhà trường và phát triển thương hiệu. Trang 361. |
| 59 | Theo anh (chị), văn hóa cộng đồng trường học được thể hiện ở lĩnh vực? | Thể hiện ở môi trường học tập thân thiện, hợp tác và cởi mở của người học. | Thể hiện ở phong cách hoạt động quản lí và chuyên môn hài hòa, hiểu biết lẫn nhau. | Thể hiện ở môi trường học tập thân thiện và hoạt động quản lí chuyên môn hài hòa. | Thể hiện ở phong cách hoạt động và quản lí chuyên môn hài hòa, hiểu biết lẫn nhau. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II. Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 1. Xây dựng văn hóa nhà trường và phát triển thương hiệu. Trang 362. |
| 60 | Theo anh (chị), văn hóa cộng đồng trường học có tác dụng gì? | Tạo nên môi trường học tập thân thiện, hợp tác và cởi mở cho người học. | Tạo nên môi trường dạy học thân thiện, hợp tác và cởi mở cho người dạy. | Tạo nên môi trường dạy-học thân thiện, hợp tác và cởi mở cho cả người dạy và người học. |  Tạo nên môi trường dạy - học thân thiện, hợp tác, cởi mở và hiểu biết lẫn nhau.  |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II. Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 1. Xây dựng văn hóa nhà trường và phát triển thương hiệu. Trang 362. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 61 | Theo anh (chị), văn hóa giao tiếp trong nhà trường được thể hiện ở những giá trị nào? | Thể hiện ở nghi thức. | Thể hiện ở phong cách hành vi. | Thể hiện ở ngôn ngữ giao tiếp. | Tất cả các đáp án trên đều đúng. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II. Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 1. Xây dựng văn hóa nhà trường và phát triển thương hiệu. Trang 362. |
| 62 | Trong xây dựng môi trường văn hóa, yêu cầu của văn hóa giao tiếp học đường là: | nền nã, lịch thiệp, hiểu biết lẫn nhau và có tính thẩm mĩ cao; cầu thị, khiêm nhường. | nền nã, lịch thiệp, hiểu biết lẫn nhau và có tính thẩm mĩ cao; cầu thị, khiêm nhường và chia sẻ. | nền nã, lịch thiệp, hiểu biết lẫn nhau và có tính thẩm mĩ cao thích hợp với tính chất nghề nghiệp. | nền nã, lịch thiệp, hiểu biết lẫn nhau, có tính thẩm mĩ cao không thích hợp với tính chất nghề nghiệp. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II. Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 1. Xây dựng văn hóa nhà trường và phát triển thương hiệu. Trang 362. |
| 63 | Theo anh (chị), muốn xây dựng được thương hiệu của nhà trường thì nhà quản lí giáo dục phải tập trung vào những nguyên tăc nào? | Tập trung vào người học; hướng vào chất lượng và các giá trị nhân văn; tự chủ và tự chịu trách nhiệm ở các cấp; hợp đồng hay giao việc công bằng, công khai, minh bạch. | Mạo hiểm trong thay đổi và phát triển; môi trường hợp tác và kĩ năng cộng tác; phân cấp quản lí và thực hiện quy chế dân chủ hợp pháp. | Phát triển nhân tố con người; văn hóa hội họp và lễ hội; cấu trúc tổ chức trường theo chiến lược học hỏi; quản lí dựa vào tiếp cận văn hóa tổ chức. | Tất cả các đáp án trên đều đúng. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II. Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 1. Xây dựng văn hóa nhà trường và phát triển thương hiệu. Trang 363. |
| 64 | Theo anh (chị), yếu tố cốt lõi của văn hóa chất lượng là gì? | Hiệu trưởng phải công khai về các mục tiêu và chất lượng chung của nhà trường. | Sự hiểu biết, thừa nhận và cam kết công khai về các mục tiêu chất lượng chung của nhà trường và trong từng công việc. | Hiệu trưởng phải công khai về chất lượng, đội ngũ và cơ sở vật chất của nhà trường. | Thừa nhận và cam kết công khai về các mục tiêu chất lượng chung của nhà trường. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II. Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 1. Xây dựng văn hóa nhà trường và phát triển thương hiệu. Trang 365. |
| 65 | Theo anh (chị), đạo đức nghề nghiệp của giáo viên được biểu hiện qua mấy tiêu chí?  | 5 tiêu chí | 4 tiêu chí | 3 tiêu chí | 2 tiêu chí |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 2. Văn hóa nhà trường và đạo đức nghề nghiệp. Trang 373. |
| 66 | Theo anh (chị), tiêu chí nào sau đây **không phải** là biểu hiện của đạo đức nghề nghiệp? | Tâm huyết với nghề nghiệp; có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác. | Tận tụy với công việc, thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của đơn vị, nhà trường, của ngành. | Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí. | Kĩ năng nhận thứ và giải quyết vấn đề nảy sinh trong nghề nghiệp giáo viên tiểu học. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 2. Văn hóa nhà trường và đạo đức nghề nghiệp. Trang 373. |
| 67 | Theo anh (chị), tiêu chí nào sau đây là biểu hiện của đạo đức nghề nghiệp? | Tham gia các hoạt động xã hội, xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước, góp phần phát triển đời sống văn hóa cộng đồng, giúp đỡ đồng bào gặp hoạn nạn trong cuộc sống. | Tâm huyết với nghề nghiệp; có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác. | Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; thực hiện nghiêm túc các quy định của địa phương. | Tham gia các hoạt động xã hội, xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước; chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 2. Văn hóa nhà trường và đạo đức nghề nghiệp. Trang 373. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 68 | Theo anh (chị), tiêu chí nào sau đây là biểu hiện của đạo đức nghề nghiệp? | Tham gia các hoạt động xã hội, xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước; chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. | Tận tâm với công việc; chấp hành đúng quy chế, nội quy của đơn vị, nhà trường, của ngành. | Thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, chấp hành đúng quy chế, nội quy của đơn vị, nhà trường, của ngành. | Tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của đơn vị, nhà trường, của ngành. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 2. Văn hóa nhà trường và đạo đức nghề nghiệp. Trang 373. |
| 69 | Theo anh (chị), tiêu chí nào sau đây là biểu hiện của đạo đức nghề nghiệp? | Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học. | Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; chống tham nhũng, lãng phí. | Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí. | Công bằng trong giảng dạy, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 2. Văn hóa nhà trường và đạo đức nghề nghiệp. Trang 374. |
| 70 | Theo anh (chị), tiêu chí nào sau đây là biểu hiện của đạo đức nghề nghiệp? | Tâm huyết với nghề nghiệp; có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo. | Có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng. | Đối xử hòa nhà với người học, đồng nghiệp; sẵn sàng giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng. | Tất cả các đáp án trên đều đúng. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 2. Văn hóa nhà trường và đạo đức nghề nghiệp. Trang 374. |
| 71 | Theo anh (chị), đạo đức lương tâm nghề nghiệp của giáo viên được biểu hiện qua mấy tiêu chí?  | 5 tiêu chí | 4 tiêu chí | 3 tiêu chí | 2 tiêu chí |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 2. Văn hóa nhà trường và đạo đức nghề nghiệp. Trang 374. |
| 72 | Theo anh (chị), tiêu chí nào sau đây là biểu hiện của đạo đức lương tâm nghề nghiệp? | Tinh thần vượt khó trong công việc; thực hiện phê bình và tự phê bình thường xuyên, nghiêm túc. | Tinh thần vượt khó trong công việc; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. | Tinh thần vượt khó trong công việc; tâm huyết với nghề nghiệp; có ý thức giữ gìn danh dự, lương tân nhà giáo. | Tinh thần vượt khó trong công việc; kĩ năng nhận thức và giải quyết vấn đề nảy sinh trong nghề nghiệp GV tiểu học. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 2. Văn hóa nhà trường và đạo đức nghề nghiệp. Trang 374. |
| 73 | Theo anh (chị), tiêu chí nào sau đây **không phải** là biểu hiện của đạo đức lương tâm nghề nghiệp? | Tự học và tự nghiên cứu các văn bản, nội quy, quy định cùng những đổi mới về mặt chuyên môn nghiệp vụ giảng dạy.  | Tinh thần vượt khó trong công việc; thái độ đối với đồng nghiệp, học sinh và cộng đồng. | Kĩ năng nhận thức và giải quyết vấn đề nảy sinh trong nghề nghiệp GV tiểu học. | Có tầm nhìn chiến lược về các nhiệm vụ của nhà trường. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 2. Văn hóa nhà trường và đạo đức nghề nghiệp. Trang 374. |
| 74 | Theo anh (chị), tiêu chí nào sau đây là biểu hiện của đạo đức lương tâm nghề nghiệp? | Mạo hiểm trong thay đổi và phát triển; môi trường hợp tác và kĩ năng cộng tác; phân cấp quản lí và thực hiện quy chế dân chủ hợp pháp. | Tự học và tự nghiên cứu các văn bản, nội quy, quy định cùng những đổi mới về mặt chuyên môn nghiệp vụ giảng dạy.  | Tạo nên môi trường dạy-học thân thiện, hợp tác và cởi mở cho cả người dạy và người học. | Tạo nên môi trường thuận lợi cho giáo viên giảng dạy và học sinh học tập. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 2. Văn hóa nhà trường và đạo đức nghề nghiệp. Trang 374. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 75 | Theo anh (chị), tiêu chí nào sau đây là biểu hiện của đạo đức lương tâm nghề nghiệp? | Tinh thần vượt khó trong công việc; thái độ với đồng nghiệp, học sinh và cộng đồng. | Mạo hiểm trong thay đổi và phát triển; môi trường hợp tác và kĩ năng cộng tác; phân cấp quản lí và thực hiện quy chế dân chủ hợp pháp. | Tạo nên môi trường dạy-học thân thiện, hợp tác và cởi mở cho cả người dạy và người học. | Tạo nên môi trường dạy-học thân thiện, hợp tác và cởi mở cho cả người dạy và người học. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 2. Văn hóa nhà trường và đạo đức nghề nghiệp. Trang 374. |
| 76 | Để hình thành và bảo vệ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp qua xây dựng văn hóa nhà trường, phải chú ý xây dựng những vấn đề gì?  | Xây dựng mối quan hệ lành mạnh giữa các thành viên trong nhà trường. | Giáo dục kĩ năng xã hội cần thiết | Môi trường giáo dục công bằng và dân chủ | Tất cả các đáp án trên đều đúng. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 2. Văn hóa nhà trường và đạo đức nghề nghiệp. Trang 374. |
| 77 | Theo anh (chị), các chuẩn mực đạo đức trong nhà trường được tạo dựng bằng các mối quan hệ nào? | Giữa giáo viên với giáo viên, giữa giáo viên với nhân viên, giữa nhân viên với nhân viên và giữa các học sinh với nhau. | Giữa giáo viên với giáo viên, giữa nhân viên với nhân viên và giữa giáo viên với phụ huynh.  | Giữa giáo viên với nhân viên, giữa các nhân viên với nhau, giữa hội đồng sư phạm nhà trường với phụ huynh và học sinh. | Giữa giáo viên với giáo viên, giữa giáo viên với nhân viên, giữa các nhân viên với nhau và giữa hội đồng giáo dục với học sinh. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 2. Văn hóa nhà trường và đạo đức nghề nghiệp. Trang 374. |
| 78 | Theo các anh (chị), những yếu tố nào sẽ làm cho việc xây dựng văn hóa nhà trường bị thất bại ? | Thiếu sự gắn kết, thiếu niềm tin, mối quan hệ giữa các cá nhân yếu. | Thiếu sự gắn kết, mối quan hệ giữa các nhân yếu; sợ hãi và lo lắng. | Thiếu niềm tin, mối quan hệ giữa các nhân yếu; sợ hãi và lo lắng. | Thiếu gắn kết, thiếu mối quan hệ giữa các cá nhân. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 2. Văn hóa nhà trường và đạo đức nghề nghiệp. Trang 374. |
| 79 | Những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp giáo viên đều hướng con người đến những kĩ năng cơ bản nào? | Kĩ năng lắng nghe, chia sẻ và ra quyết định. | Kĩ năng lắng nghe, chia sẻ, ra quyết định, phê bình và tự phê bình. | Kĩ năng đàm phán, ra quyết định và phê bình. | Kĩ năng đàm phán, ra quyết định, phê bình và tự phê bình. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 2. Văn hóa nhà trường và đạo đức nghề nghiệp. Trang 375. |
| 80 | Theo anh (chị), thế nào là môi trường giáo dục công bằng và dân chủ? | Từng giáo viên được thấy về tầm nhìn chiến lược của nhà trường; các nội quy nhất quán được thực thi hiệu quả. | Từng học sinh được thấy về tầm nhìn chiến lược của nhà trường; các nội quy nhất quán được thực thi dành cho tất cả mọi thành viên. | Từng phụ huynh được thấy về tầm nhìn chiến lược của nhà trường; các nội quy nhất quán được thực thi dành cho tất cả mọi thành viên. | Từng giáo viên, từng học sinh được thấy về tầm nhìn chiến lược của nhà trường; các nội quy nhất quán được thực thi và đáng tin cậy dành cho tất cả mọi thành viên. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 2. Văn hóa nhà trường và đạo đức nghề nghiệp. Trang 375. |
| 81 | Theo anh (chị), về phẩm chất và năng lực nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học có mấy yêu cầu ? Đó là những yêu cầu nào? |  4 yêu cầu: Các yêu cầu thuộc lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; các yêu cầu thuộc lĩnh vực kiến thức; các yêu cầu thuộc lĩnh vực kĩ năng sư phạm và các yêu cầu khác. |  3 yêu cầu: Các yêu cầu thuộc lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; các yêu cầu thuộc lĩnh vực kiến thức và các yêu cầu thuộc lĩnh vực kĩ năng sư phạm. |  2 yêu cầu: Các yêu cầu thuộc lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và các yêu cầu thuộc lĩnh vực kiến thức và kĩ năng sư phạm. |  2 yêu cầu: Các yêu cầu thuộc lĩnh vực kiến thức và các yêu cầu thuộc lĩnh vực kĩ năng sư phạm. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 375. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 82 | Theo anh (chị), lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống có mấy yêu cầu? Mỗi yêu cầu có bao nhiêu tiêu chí? | 5 yêu cầu, mỗi yêu cầu có 4 tiêu chí. | 4 yêu cầu, mỗi yêu cầu có 5 tiêu chí. | 3 yêu cầu, mỗi yêu cầu có 4 tiêu chí. | 2 yêu cầu, mỗi yêu cầu có 4 tiêu chí. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 375 và 376. |
| 83 | Yêu cầu :"*Nhận thức tư tưởng chính trị với trách nhiệm của một công nhân, một nhà giáo đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc* ". Bao gồm mấy tiêu chí? | 1 tiêu chí | 2 tiêu chí | 3 tiêu chí | 4 tiêu chí |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 375 và 376. |
| 84 | Yêu cầu: *"Chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước"*. Bao gồm mấy tiêu chí? | 6 tiêu chí | 5 tiêu chí | 4 tiêu chí | 3 tiêu chí |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 376. |
| 85 | Tiêu chí: *"Yêu nghề, tận tụy với nghề; sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục học sinh"*. Thuộc yêu cầu nào của lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống?  | Thuộc yêu cầu:Trung thực trong công tác; đoàn kết trong quan hệ đồng nghiệp; phục vụ nhân dân và học sinh.  | Thuộc yêu cầu: Chấp hành quy chế của ngành, quy định của nhà trường, kỷ luật lao động. | Thuộc yêu cầu :Chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước. | Thuộc yêu cầu : Nhận thức tư tưởng chính trị với trách nhiệm của một công dân, một nhà giáo đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 376. |
| 86 | Tiêu chí: "*Tham gia học tập, nghiên cứu các Nghị quyết của Đảng, chủ trương chính sách của Nhà nước"*. Thuộc yêu cầu nào của lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống?  | Thuộc yêu cầu: Chấp hành quy chế của ngành, quy định của nhà trường, kỷ luật lao động. | Thuộc yêu cầu : Nhận thức tư tưởng chính trị với trách nhiệm của một công dân, một nhà giáo đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. | Thuộc yêu cầu: Lập được kế hoạch dạy học; biết cách soạn giáo án theo hướng đổi mới. | Thuộc yêu cầu:Trung thực trong công tác; đoàn kết trong quan hệ đồng nghiệp; phục vụ nhân dân và học sinh.  |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 376. |
| 87 | Yêu cầu: *"Trung thực trong công tác; đoàn kết trong quan hệ đồng nghiệp; phục vụ nhân dân và học sinh"*. Bao gồm các tiêu chí nào? | Trung thực trong báo cáo kết quả giảng dạy, đánh giá học sinh và trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công. | Đoàn kết với mọi người; có tinh thần chia sẻ công việc với đồng nghiệp trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ. | Hết lòng giảng dạy và giáo dục học sinh bằng tình thương yêu, sự công bằng và trách nhiệm của một nhà giáo. | Tất cả các đáp án trên đều đúng. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 376. |
| 88 | Theo anh (chị), lĩnh vực kiến thức có mấy yêu cầu? Mỗi yêu cầu có mấy tiêu chí? | 5 yêu cầu, mỗi yêu cầu có 4 tiêu chí. | 4 yêu cầu, mỗi yêu cầu có 5 tiêu chí. | 3 yêu cầu, mỗi yêu cầu có 4 tiêu chí. | 2 yêu cầu, mỗi yêu cầu có 4 tiêu chí. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 377. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 89 | Tiêu chí: *" Có kiến thức chuyên sâu, đồng thời có khả năng hệ thống hóa kiến thức trong cả cấp học để nâng cao hiệu quả giảng dạy đối với các môn học được phân công giảng dạy"*. Thuộc lĩnh vực kiến thức nào? | Thuộc lĩnh vực kiến thức về tâm lí học sư phạm và tâm lí học llứa tuổi, giáo dục tiểu học. | Thuộc lĩnh vực kiến thức về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh. | Thuộc lĩnh vực kiến thức cơ bản | Thuộc lĩnh vực kiến thức phổ thông về chính trị, xã hội và nhân văn, kiến thức liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ, tiếng dân tộc. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 377. |
| 90 | Theo anh (chị), tiêu chí nào sau đây **không thuộc** lĩnh vực kĩ năng sư phạm? | Xây dựng được kế hoạch giảng dạy cả năm học thể hiện các hoạt động dạy học nhằm cụ thể hóa chương trình của Bộ phù hợp với đặc điểm của nhà trường và lớp được phân công dạy. | Thực hiện bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đúng với quy định. | Lập được kế hoạch tháng dựa trên kế hoạch năm học bao gồm hoạt động chính khóa và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. | Có kế hoạch dạy học từng tuần thể hiện lịch dạy các tiết học và các hoạt động giáo dục học sinh. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 377. |
| 91 | Theo anh (chị), lĩnh vực kĩ năng sư phạm có mấy yêu cầu? Mỗi yêu cầu có bao nhiêu tiêu chí? | 6 yêu cầu, mỗi yêu cầu có 4 tiêu chí. | 5 yêu cầu, mỗi yêu cầu có 4 tiêu chí. | 4 yêu cầu, mỗi yêu cầu có 4 tiêu chí. | 3 yêu cầu, mỗi yêu cầu có 5 tiêu chí. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 379. |
| 92 | Yêu cầu*:"Tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học trên lớp phát huy được tính năng động sáng tạo của học sinh".* Thuộc lĩnh vực nào? | Lĩnh vực kiến thức. | Lĩnh vực kĩ năng sư phạm | Lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống. | Tất cả các đáp án trên đều sai. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 379. |
| 93 | Theo anh (chị), yêu cầu nào sau đây thuộc lĩnh vực kĩ năng sư phạm? | Chấp hành quy chế của ngành, quy định của nhà trường, kỷ luật lao động. | Trung thực trong công tác; đoàn kết trong quan hệ đồng nghiệp; phục vụ nhân dân và học sinh. | Có kiến thức về tâm lí học sư phạm và tâm lí học lứa tuổi, giáo dục học tiểu học. | Tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học trên lớp phát huy được tính năng động sáng tạo của học sinh. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 379. |
| 94 | Theo anh (chị), yêu cầu nào sau đây thuộc lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống? | Nhận thức tư tưởng chính trị với trách nhiệm của một công dân, một nhà giáo đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. | Thực hiện thông tin hai chiều trong quản lí chất lượng giáo dục; hành vi trong giao tiếp, ứng xử có văn hóa và mang tính giáo dục. | Xây dựng, bảo quản và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục và giảng dạy. | Có kiến thức địa phương về nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh, huyện, xã nơi giáo viên công tác. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 375. |
| 95 | Theo anh (chị), yêu cầu nào sau đây **không thuộc** lĩnh vực kiến thức? | Kiến thức về tâm lí học sư phạm và tâm lí học lứa tuổi, giáo dục học tiểu học. | Kiến thức về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh. | Xây dựng, bảo quản và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục và giảng dạy. | Kiến thức địa phương về nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh, huyện, xã nơi giáo viên công tác. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 377. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 96 | Theo anh (chị), yêu cầu nào sau đây **không thuộc** lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống? | Nhận thức tư tưởng chính trị với trách nhiệm của một công dân, một nhà giáo đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. | Đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo; tinh thần đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực; ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp. | Trung thực trong công tác; đoàn kết trong quan hệ đồng nghiệp; phục vụ nhân dân và học sinh. | Thực hiện thông tin hai chiều trong quản lí chất lượng giáo dục; hành vi trong giao tiếp, ứng xử có văn hóa và mang tính giáo dục. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 375. |
| 97 | Theo anh (chị), trong các yêu cầu sau, yêu cầu nào thuộc lĩnh vực kiến thức? | Kiến thức về tâm lí học sư phạm và tâm lí học lứa tuổi, giáo dục học tiểu học. | Kiến thức về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh. | Kiến thức phổ thông về chính trị, xã hội và nhân văn, kiến thức liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ, tiếng dân tộc. | Tất cả các đáp án trên đều đúng. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 377. |
| 98 | Trong các tiêu chí sau, tiêu chí nào thuộc yêu cầu: "*Tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học trên lớp phát huy được tính năng động sáng tạo của học sinh."*? | Đặt câu hỏi kiểm tra phù hợp đối tượng và phát huy được năng lực học tập của học sinh; chấm, chữa bài kiểm tra một cách cẩn thận để giúp học sinh học tập tiến bộ. | Có kiến thức về tâm lí học sư phạm và tâm lí học lứa tuổi, giáo dục tiểu học. | Soạn giáo án theo hướng đổi mới, thể hiện các hoạt động dạy học tích cực của thầy và trò. | Trung thực trong công tác; đoàn kết trong quan hệ đồng nghiệp; phục vụ nhân dân và học sinh. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 379. |
| 99 | Theo anh (chị), trong các yêu cầu sau, yêu cầu nào thuộc lĩnh vực kĩ năng sư phạm? | Lập được kế hoạch dạy học; biết cách soạn giáo án theo hướng đổi mới. | Trung thực trong công tác; đoàn kết trong quan hệ đồng nghiệp; phục vụ nhân dân và học sinh. | Có kiến phổ thông về chính trị, xã hội và nhân văn, kiến thức liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ, tiếng dân tộc. | Có kiến thức về tâm lí học sư phạm và tâm lí học lứa tuổi, giáo dục tiểu học. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 379. |
| 100 | Trong các tiêu chí sau, tiêu chí nào thuộc yêu cầu: "Xây dựng, bảo quản và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục và giảng dạy."? | Lập đủ hồ sơ để quản lí quá trình họ tập, rèn luyện của học sinh; bảo quản tốt các bài kiểm tra của học sinh. | Lưu trữ tốt hồ sơ giảng dạy bao gồm giáo án, các tài liệu, tài liệu tham khảo thiết thực liên quan đến giảng dạy các môn học được phân công dạy. | Lưu trữ tất cả các bài làm của học sinh chậm phát triển và học sinh khuyết tật để báo cáo kết quả giáo dục vì sự tiến bộ của học sinh. | Tất cả các đáp án trên đều đúng. |  Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học hạng II.Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế. Mục 3. Văn hóa nhà trường và phát triển đội ngũ. Trang 381. |
| 101 | Phương pháp dạy học (PPDH) là gì? | PPDH là cách thức hoạt động chung giữa giáo viên và học sinh, trong lớp học, nhằm đạt tới mục đích học tập. | PPDH là cách thức, là con đường hoạt động chung giữa giáo viên và học sinh, trong những điều kiện dạy học xác định, nhằm đạt tới mục đích dạy học. | PPDH là con đường hoạt động chung giữa giáo viên và học sinh, trong những điều kiện dạy học xác định, nhằm đạt tới mục đích học tập. | PPDH là cách thức, là con đường hoạt động giữa giáo viên và học sinh nhằm đạt tới mục đích dạy học. | Module TH 15Mục 1a: Khái niệm PPDH / trang9,10 |
| 102 | Bình diện vĩ mô của phương pháp dạy học là: | Quan điểm về phương pháp dạy học. | Phương pháp dạy học cụ thể. | Kĩ thuật dạy học | Phương pháp dạy học tích cực. | Module TH 15Mục 1b: Các bình diện của phươngpháp dạy học/trang 10 |
| 103 | Bình diện trung gian của phương pháp dạy học là: | Quan điểm về phương pháp dạy học. | Phương pháp dạy học cụ thể. | Kĩ thuật dạy học | Phương pháp dạy học tích cực. | Module TH 15Mục 1b: Các bình diện của phươngpháp dạy học/trang 10 |
| 104 | Phương pháp dạy học ( PPDH) tích cực là gì? | PPDH tích cực là thuật ngữ dùng để chỉ những PPDH phát huy được tính tích cực, chủ động của học sinh. | PPDH tích cực là PPDH lấy học sinh làm trung tâm, dạy học chú trọng rèn phương pháp tự học.  | PPDH tích cực là phương pháp phát huy được tính tích cực, chủ động của học sinh, rèn kĩ năng đánh giá cho học sinh. | PPDH tích cực là PPDH hiện đại, phát huy được tính tích cực, chủ động của học sinh, lấy học sinh làm trung tâm. | Module TH 15Khái niệm PPDH tích cực (ý 1 thông tin phản hồi HĐ 2/trang14) |
| 105 | PPDH tích cực thuộc bình diện nào của PPDH? |  PPDH tích cực là một phương pháp dạy học cụ thể phù hợp với quan điểm dạy học tích cực. |  PPDH tích cực là một kĩ thuật dạy học cụ thể phù hợp với quan điểm dạy học tích cực. | PPDH tích cực không phải là một PPDH cụ thể mà bao gồm nhiều phương pháp cụ thể phù hợp với quan điểm dạy học tích cực. | PPDH tích cực không phải là một PPDH cụ thể mà bao gồm nhiều phương pháp cụ thể phù hợp với quan điểm dạy học. | Module TH 15Khái niệm PPDH tích cực ( ý 2 thông tin phản hồi HĐ 2/trang14) |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 106 | PPDH tích cực có mấy dấu hiệu đặc trưng? | 3 dấu hiệu | 4 dấu hiệu | 5 dấu hiệu | 6 dấu hiệu | Module TH 15Các dấu hiệu đặc trưng của PPDH tích cực ( thông tin phản hồi HĐ4/16) |
| 107 | Các dấu hiệu đặc trưng của PPDH tích cực là: | Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập của học sinh; Dạy học chú trọng rèn luyện phương pháp tự học; Dạy học cá nhân; Kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò. | Dạy học chú trọng rèn luyện phương pháp tự học; Tăng cường học cá thể phối hợp với học hợp tác; Kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá cua trò; Dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh. | Dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh; Tăng cường học tập cá thể phối hợp với hoạt động hợp tác; Kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò. | Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập của học sinh; Dạy học chú trọng rèn luyện phương pháp tự học; Tăng cường học cá thể phối hợp với học hợp tác; Kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò. | Module TH 15Các dấu hiệu đặc trưng của PPDH tích cực ( thông tin phản hồi HĐ4/trang16) |
| 108 | Một số PPDH tích cực ở tiểu học là: | Phương pháp (PP) đặt và giải quyết vấn đề; PP hợp tác theo nhóm nhỏ; PP trò chơi; kĩ thuật mảnh ghép. | Phương pháp (PP) đặt và giải quyết vấn đề; PP thảo luận nhóm nhỏ; PP sắm vai, kĩ thuật khăn trải bàn. | Phương pháp (PP) đặt và giải quyết vấn đề; PP hợp tác theo nhóm nhỏ; PP đóng vai; PP trò chơi; PP vấn đáp; kĩ thuật phòng tranh. | Phương pháp (PP) đặt và giải quyết vấn đề; PP hợp tác theo nhóm nhỏ; PP đóng vai; PP trò chơi; PP vấn đáp. | Module TH 15ND2: Một số PPDH tích cực. Mục II/trang17 |
| 109 | Phương pháp (PP) đặt và giải quyết vấn đề còn có các tên gọi: | PP nêu và giải quyết vấn đề; PP phát hiện và giải quyết vấn đề; PP giải quyết vấn đề… | PP nêu vấn đề; PP giải quyết khó khăn; PP đặt vấn đề.. | PP nêu và giải quyết vấn đề; PP đặt vấn đề; PP cùng nhau giải quyết vấn đề… | PP giải quyết vấn đề; PP nêu vấn đề; PP tạo tình huống có vấn đề. | Module TH 15Thông tin phản hồi Mục 4a:Bản chất của PP đặt và giải quyết vấn đề/ trang 19 |
| 110 | Quy trình thực hiện phương pháp đặt và giải quyết vấn đề gồm mấy bước? | 4 bước | 5 bước | 3 bước | 2 bước. | Module TH 15Thông tin phản hồi Mục 4b:Quy trình thực hiện PP đặt và giải quyết vấn đề/ trang 19,20 |
| 111 | Các bước trong quy trình thực hiện phương pháp đặt và giải quyết vấn đề là: | Bước 1: Đặt vấn đề, xây dựng bài toán nhận thức.Bước 2:Giải quyết vấn đề đặt ra. | Bước 1: Đặt vấn đề, xây dựng bài toán nhận thức.Bước 2: Giải quyết vấn đề.Bước 3:Thực hiện kế hoạch.Bước 4: Kết luận. | Bước 1: Đặt vấn đề, xây dựng bài toán nhận thức.Bước 2: Tạo tình huống có vấn đề.Bước 3:Thực hiện kế hoạch.Bước 4: Giải quyết vấn đề.Bước 5: Kết luận. | Bước 1: Đặt vấn đề, xây dựng bài toán nhận thức.Bước 2: Giải quyết vấn đề.Bước 3: Kết luận. | Module TH 15Thông tin phản hồi Mục 4b:Quy trình thực hiện PP đặt và giải quyết vấn đề/ trang 19,20 |
| 112 | Bước Đặt vấn đề, xây dựng bài toán nhận thức trong quy trình thực hiện phương pháp đặt và giải quyết vấn đề gồm các việc:  |  Tạo tình huống có vấn đề; Phát biểu vấn đề cần giải quyết. |  Tạo tình huống có vấn đề; Phát triển và nhận dạng vấn đề nảy sinh;Phát biểu vấn đề cần giải quyết. |  Tạo tình huống có vấn đề;Đề xuất các giả thuyết; Phát biểu vấn đề cần giải quyết. |  Tìm các tình huống có vấn đề; Phát triển và nhận dạng vấn đề nảy sinh; Phát biểu vấn đề cần giải quyết. | Module TH 15Quy trình thực hiện phương pháp đặt và giải quyết vấn đề/ trang 20 |
| 113 | Bước: Giải quyết vấn đề đặt ra trong quy trình thực hiện phương pháp đặt và giải quyết vấn đề gồm các việc:  | Đề xuất các giả thuyết; Lập kế hoạch giải quyết vấn đề; Thực hiện kế hoạch. |  Tạo tình huống có vấn đề; Lập kế hoạch giải quyết vấn đề; Thực hiện kế hoạch. | Đề xuất các giả thuyết; Lập kế hoạch giải quyết vấn đề; Thực hiện kế hoạch; Thảo luận kết quả đánh giá. |  Tạo tình huống có vấn đề; Lập kế hoạch giải quyết vấn đề; Thực hiện kế hoạch; Phát biểu kết luận. | Module TH 15Thông tin phản hồi Mục 4b:Quy trình thực hiện PP đặt và giải quyết vấn đề/ trang 20 |
| 114 | Bước: Kết luận trong quy trình thực hiện phương pháp đặt và giải quyết vấn đề gồm các việc:  | Thực hiện kế hoạch; Thảo luận kết quả và đánh giá; Khẳng định hay bác bỏ giả thuyết đã nêu; Phát biểu kết luận. | Thảo luận kết quả và đánh giá; Khẳng định hay bác bỏ giả thuyết đã nêu; Phát biểu kết luận; Đề xuất vấn đề mới. | Lập kế hoạch giải quyết vấn đề; Thảo luận kết quả và đánh giá; Khẳng định hay bác bỏ giả thuyết đã nêu; Đề xuất vấn đề mới. | Phát biểu vấn đề cần giải quyết; Thảo luận kết quả và đánh giá; Phát biểu kết luận; Đề xuất vấn đề mới. | Module TH 15Thông tin phản hồi Mục 4b:Quy trình thực hiện PP đặt và giải quyết vấn đề/ trang 20 |
| 115 | Các tình huống có vấn đề trong phương pháp đặt và giải quyết vấn đề phải: | Quen thuộc với học sinh; HS hứng thú, yêu thích vấn đề; Phù hợp với học sinh. Học sinh phải tự phát hiện và giải quyết được vấn đề.  | Kích thích hứng thú nhận thức của học sinh, tính tò mò, ham hiểu biết, thích khám phá của HS; đánh đố học sinh.  | Kích thích hứng thú nhận thức của học sinh, tính tò mò, ham hiểu biết, thích khám phá của HS; Phù hợp với trình độ nhận thức của HS. HS có thể tự phát hiện và giải quyết được vấn đề.  | Phải khó để kích thích hứng thú học tập của HS; Phù hợp với trình độ nhận thức của HS. HS có thể tự phát hiện và giải quyết được vấn đề.  | Module TH 15Thông tin phản hồi Mục 4c: Điều kiện thực hiện có hiệu quả phương pháp đặt và giải quyết vấn đề/ trang 20 |
| 116 | Để thực hiện có hiệu quả phương pháp đặt và giải quyết vấn đề thì vấn đề đặt ra phải được:  | Phát biểu dưới dạng câu hỏi mở. | Phát biểu dưới dạng câu hỏi nêu vấn đề. | Phát biểu dưới dạng câu hỏi đóng. | Phát biểu dưới dạng câu hỏi nhiều lựa chọn. | Module TH 15Thông tin phản hồi Mục 4c: Điều kiện thực hiện có hiệu quả phương pháp đặt và giải quyết vấn đề/ trang 20 |
| 117 | Phương pháp hợp tác theo nhóm nhỏ còn được gọi là phương pháp: | Phương pháp thảo luận; Phương pháp giải quyết vấn đề; Phương pháp hợp tác nhóm... | Phương pháp làm việc theo nhóm; Phương pháp trò chơi hợp tác... | Phương pháp làm việc theo nhóm; Phương pháp hợp tác nhóm... | Phương pháp làm việc cá nhân; Phương pháp thảo hợp tác thảo luận... | Module TH 15Thông tin phản hồi Mục 4a: Bản chất của PP hợp tác theo nhóm nhỏ/ trang 22 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 118 | Bản chất của phương pháp hợp tác theo nhóm nhỏ là: | Tổ chức cho học sinh hoạt động theo những nhóm lớn để học sinh cùng thực hiện giải quyết một tình huống có vấn đề trong một khoảng thời gian nhất định. Trong quá trình làm việc, có sự hợp tác theo nhóm để cùng chia sẻ kinh nghiệm. | Tổ chức cho học sinh hoạt động theo những nhóm nhỏ để học sinh cùng thực hiện một nhiệm vụ nhất định trong một khoảng thời gian nhất định. Trong quá trình làm việc, có sự kết hợp giữa làm việc cá nhân với làm việc theo cặp, theo nhóm để cùng chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ được giao. | Tổ chức cho học sinh hoạt động cá nhân để cùng thực hiện một nhiệm vụ nhất định phù hợp với nhận thức của các em. Trong quá trình làm việc, có sự kết hợp giữa làm việc cá nhân với làm việc theo cặp, theo nhóm để cùng chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ được giao. | Tổ chức cho học sinh hoạt động theo nhóm 6 để học sinh cùng thực hiện một nhiệm vụ nhất định trong một khoảng thời gian nhất định. Trong quá trình làm việc học sinh hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ được giao. | Module TH 15Thông tin phản hồi mục 4a: Bản chất của PP hợp tác theo nhóm nhỏ/ trang 22 |
| 119 | Các yếu tố của hợp tác nhóm là: | Học sinh phải phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực; Thể hiện trách nhiệm cá nhân; Mỗi cá nhân đều có trách nhiệm thực hiện một phần công việc; Rèn luyện các kĩ năng xã hội. | Có sự phụ thuộc lẫn nhau một ; Thể hiện trách nhiệm cá nhân; Khuyến kích sự tương tác; Rèn kĩ năng đặt câu hỏi, kĩ năng ra quyết định. | Có sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực; Thể hiện trách nhiệm cá nhân; Khuyến khích sự tương tác; Rèn luyện các kĩ năng xã hội; Rèn kĩ năng đánh giá. |  Thể hiện trách nhiệm tập thể; Khuyến kích sự tương tác; Rèn luyện các kĩ năng xã hội; Rèn kĩ năng đánh giá; Rèn kĩ năng làm việc tích cực. | Module TH 15Thông tin phản hồi Mục 4a: Bản chất của PP hợp tác theo nhóm nhỏ/ trang 22 |
| 120 | Trong phương pháp hợp tác nhóm học sinh được rèn các kĩ năng: | Kĩ năng xã hội; Kĩ năng đánh giá.  | Kĩ năng lắng nghe tích cực; Kĩ năng đánh giá.  | Kĩ năng đặt câu hỏi, đưa thông tin phản hồi tích cực, thuyết phục, ra quyết định.  | Kĩ năng ra quyết định. Kĩ năng đánh giá.  | Thông tin phản hồi mục 4a: Bản chất của PP hợp tác theo nhóm nhỏ/ trang 23 |
| 121 | Các kĩ năng xã hội mà học sinh được rèn luyện trong phương pháp làm việc nhóm là: | Kĩ năng lắng nghe tích cực, đặt câu hỏi, đưa thông tin phản hồi , hợp tác, . | Kĩ năng lắng nghe tích cực, đặt câu hỏi, đưa thông tin phản hồi , thuyết phục, ra quyết định, tự đánh giá. | Kĩ năng đưa thông tin phản hồi tích cực, thuyết phục, ra quyết định, trình bày, hợp tác nhóm. | Kĩ năng lắng nghe tích cực, đặt câu hỏi, đưa thông tin phản hồi tích cực, thuyết phục, ra quyết định. | Module TH 15Thông tin phản hồi mục 4a: Bản chất của PP hợp tác theo nhóm nhỏ/ trang 23 |
| 122 | Quy trình thực hiện phương pháp hợp tác theo nhóm nhỏ gồm mấy bước. | 2 bước | 3 bước | 4 bước | 5 bước | Module TH 15Thông tin phản hồi mục 4b: Quy trình thực hiện PP hợp tác theo nhóm nhỏ/ trang 23 |
| 123 | Các bước trong quy trình thực hiện phương pháp hợp tác theo nhóm nhỏ là: | Bước 1: Chọn nội dung và nhiệm vụ phù hợp.Bước 2: Tổ chức dạy học theo PP hợp tác nhóm.Bước 3:Thiết kế kế hoạch bài học áp dụng PP hợp tác theo nhóm nhỏ. | Bước 1: Chọn nội dung và nhiệm vụ phù hợp.Bước 2: Thiết kế kế hoạch bài học áp dụng PP hợp tác theo nhóm nhỏ. Bước 3:Tổ chức dạy học theo PP hợp tác nhóm. | Bước 1:Thiết kế kế hoạch bài học áp dụng PP hợp tác theo nhóm nhỏ. Bước 2: Tổ chức dạy học theo PP hợp tác nhóm.Bước 3: Chọn nội dung và nhiệm vụ phù hợp.Bước 4: Kết luận | Bước 1: Chọn nội dung và nhiệm vụ phù hợp.Bước 2: Thiết kế kế hoạch bài học áp dụng PP hợp tác theo nhóm nhỏ. | Module TH 15Thông tin phản hồi mục 4b: Quy trình thực hiện PP hợp tác theo nhóm nhỏ/ trang 23 |
| 124 | Cách tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả và đánh giá trong phương pháp hợp tác nhóm: | Đại diện từng nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm; các nhóm lắng nghe, bổ sung ý kiến. | Các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm; các nhóm khác bổ sung ý kiến. | Đại diện từng nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm; các nhóm khác quan sát, lắng nghe, chất vấn, bình luận và bổ sung ý kiến. | Cả nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm; các nhóm khác bình luận . | Module TH 15Thông tin phản hồi mục 4b: Quy trình thực hiện PP hợp tác theo nhóm nhỏ/ trang 23 |
| 125 | Nội dung và nhiệm vụ phù hợp để thực hiện phương pháp hợp tác nhóm: | Chọn nội dung nhiệm vụ tương đối dễ, để học sinh hoàn thành được nhiệm vụ được giao một cách dễ dàng. | Chọn nội dung nhiệm vụ tương đối khó, mà để giải quyết nó phải huy động kinh nghiệm, ý kiến, công sức của nhiều học sinh. | Chọn nội dung nhiệm vụ mới hoàn toàn học sinh chưa có kinh nghiệm ở nhiệm vụ này. | Chọn nội dung nhiệm vụ dễ để không mất nhiều thời gian thảo luận. | Module TH 15Thông tin phản hồi mục 4b: Quy trình thực hiện PP hợp tác theo nhóm nhỏ/ trang 23 |
| 126 | Tùy nhiệm vụ, quy mô nhóm tốt nhất là: | 6-7 học sinh | 8 học sinh | 10 học sinh | 2-6 học sinh | Thông tin phản hồi mục 4b: Quy trình thực hiện PP hợp tác theo nhóm nhỏ/ trang 23 |
| 127 | Hướng dẫn hoạt động của nhóm học sinh : | Nhóm trưởng điều khiển hoạt động, học sinh làm việc cá nhân, theo cặp, chia sẻ kinh nghiệm, thảo luận và thống nhất kết quả chung, thư kí ghi chép kết quả làm việc nhóm. | Nhóm trưởng điều khiển hoạt động, học sinh làm việc cá nhân, theo cặp, chia sẻ kinh nghiệm, thảo luận và thống nhất kết quả chung, thư kí ghi chép kết quả làm việc nhóm, phân công đại diện trình bày kết quả trước lớp. |  HS làm việc cá nhân, theo cặp, chia sẻ kinh nghiệm, thảo luận và thống nhất kết quả chung, thư kí ghi chép kết quả làm việc nhóm, phân công đại diện trình bày kết quả trước lớp. | Nhóm trưởng điều khiển hoạt động, học sinh làm việc cá nhân, theo cặp, thảo luận và thống nhất kết quả chung, phân công đại diện trình bày kết quả trước lớp. | Module TH 15Thông tin phản hồi mục 4b: Quy trình thực hiện PP hợp tác theo nhóm nhỏ/ trang 23 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 128 | Điều kiện để thực hiện có hiệu quả phương pháp hợp tác nhóm là: | Phòng học có đủ không gian; Bàn ghế dễ di chuyển; Nhiệm vụ học tập dễ với học sinh; Thời gian đủ để học sinh làm việc nhóm và trình bày kết quả; học sinh quen với làm việc hợp tác nhóm. | Nhiệm vụ học tập đủ khó; Thời gian nhiều để học sinh làm việc nhóm và trình bày kết quả; học sinhcần được bồi dưỡng các kĩ năng điều khiển, tổ chức và các kĩ năng xã hội; Học sinh quen với làm việc hợp tác nhóm. | Phòng học có đủ không gian; Bàn ghế dễ di chuyển; Nhiệm vụ học tập đủ khó; Thời gian đủ để học sinh làm việc nhóm và trình bày kết quả; học sinh cần được bồi dưỡng các kĩ năng điều khiển, tổ chức và các kĩ năng xã hội. | Phòng học có đủ không gian; Nhiệm vụ học tập đủ dễ; Có nhiều thời gian để HS làm việc nhóm ; HS cần được bồi dưỡng các kĩ năng điều khiển, tổ chức và các kĩ năng xã hội. | Module TH 15Thông tin phản hồi mục 4b: Quy trình thực hiện PP hợp tác theo nhóm nhỏ/ trang 24 |
| 129 | Phương pháp đóng vai là gì? | Đóng vai là phương pháp tổ chức cho học sinh thảo luận trong một tình huống giả định. | Đóng vai là phương pháp tổ chức cho học sinh hoạt động theo những nhóm để học sinh cùng thực hiện giải quyết một tình huống có vấn đề. | Đóng vai là kĩ thuật tổ chức cho học sinh sắm vai một nhân vật nào đó trong câu chuyện. | Đóng vai là phương pháp tổ chức cho học sinh thực hành, "làm thử" một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. | Module TH 15Thông tin phản hồi mục 4a. Bản chất của phương pháp đóng vai/ trang 25 |
| 130 | Quy trình thực hiện phương pháp đóng vai gồm mấy bước? | 5 bước  | 4 bước | 3 bước | 2 bước. | Module TH 15Thông tin phản hồi mục 4b. Quy trình thực hiện phương pháp đóng vai/ trang 25 |
| 131 | Cần lưu ý gì khi giao tình huống, nhiệm vụ đóng vai cho từng nhóm trong quy trình thực hiện PP đóng vai? | Mỗi tình huống bắt buộc chỉ phân công cho một nhóm đóng vai. Giáo cần quy định rõ thời gian chuẩn bị và thời gian đóng vai cho mỗi nhóm. | Mỗi tình huống phải phân công cho nhiều nhóm cùng đóng vai. Giáo viên cần quy định rõ thời gian đóng vai cho mỗi nhóm., không cẩn thời gian chuẩn bị. | Mỗi tình huống bắt buôc phân công nhiều nhóm cùng đóng vai. Giáo viên để các nhóm đủ thời gian chuẩn bị và thời gian đóng vai theo nhu cầu của nhóm. | Mỗi tình huống có thể phân công một hoặc nhiều nhóm cùng đóng vai. Giáo viên cần quy định rõ thời gian chuẩn bị và thời gian đóng vai cho mỗi nhóm. | Module TH 15Thông tin phản hồi mục 4b. Bước 1 Quy trình thực hiện phương pháp đóng vai/ trang 25 |
| 132 | Các bước trong quy trình thực hiện phương pháp đóng vai lần lượt là:  | Bước 1: GV nêu chủ đề, chia nhóm và giao tình huống, nhiệm vụ đóng vai cho từng nhóm.Bước 2: Các nhóm thảo luận chuẩn bị đóng vai.Bước 3: Các nhóm lên đóng vai. Bước 4: GV kết luận , định hướng cho học sinh về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã cho. | Bước 1: GV nêu chủ đề, chia nhóm và giao tình huống, nhiệm vụ đóng vai cho từng nhóm.Bước 2: Các nhóm thảo luận chuẩn bị đóng vai.Bước 3: Các nhóm lên đóng vai. Bước 4: Lớp thảo luận, nhận xét về cách ứng xử và cảm xúc của các vai diễn, về ý nghĩa của các vai diễn. Bước 5: GV kết luận , định hướng cho học sinh về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã cho. | Bước 1: GV nêu chủ đề, chia nhóm và giao tình huống, nhiệm vụ đóng vai cho từng nhóm.Bước 2: Các nhóm lên đóng vai. Bước 3: Lớp thảo luận, nhận xét về cách ứng xử và cảm xúc của các vai diễn, về ý nghĩa của các vai diễn. | Bước 1: GV nêu chủ đề, chia nhóm và giao tình huống, nhiệm vụ đóng vai cho từng nhóm.Bước 2: Các nhóm lên đóng vai. | Module TH 15Thông tin phản hồi mục 4b. Quy trình thực hiện phương pháp đóng vai/ trang 26 |
| 133 | Các yêu cầu của tình huống đóng vai là : | Tình huống phải có nhiều cách giải quyết; Tình huống không nên quá dài và phức tạp, vượt thời gian cho phép. | Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề bài học, phù hợp với lứa tuổi, trình độ học sinh và điều kiện, hoàn cảnh lớp lớp học;  | Tình huống cần để mở để học sinh tự tìm cách giải quyết, cách ứng xử phù hợp, không cho trước "kịch bản", lời thoại. | Tất cả các ý trên | Thông tin phản hồi mục 4c: Điều kiện để thực có hiệu quả PP đóng vai/ trang 26 |
| 134 | Các vai diễn trong phương pháp đóng vai nên: | Giáo viên chỉ định.  | học sinh xung phong hoặc tự phân công nhau đảm nhận | Học sinh chỉ định. | Giáo viên phân công. | Module TH 15Thông tin phản hồi mục 4c: Điều kiện để thực có hiệu quả PP đóng vai/ trang 26 |
| 135 | Để tăng tính hấp dẫn của trò chơi đóng vai mà vẫn phù hợp với điều kiện hoàn cảnh lớp học nên: | Bắt buộc phải có hóa trang giống nhân vật. | Bắt buộc phải có đạo cụ đúng với tình huống đóng vai. | Có hóa trang và đạo cụ đơn giản. | Cần hóa trang và đạo cụ chính xác như nhân vật. | Module TH 15Thông tin phản hồi mục 4c: Điều kiện để thực có hiệu quả PP đóng vai/ trang 26 |
| 136 | bản chất phương pháp(PP) trò chơi là gì? | PP trò chơi là PP tổ chức cho HS tìm hiểu một vấn đề hay luyện tập, thực hành những thao tác, kĩ năng, hành vi thông qua một trò chơi nào đó. | PP trò chơi là PP tổ chức cho HS tìm hiểu một vấn đề hay luyện tập, thực hành những thao tác, kĩ năng, hành vi thông qua giải quyết một vấn đề nào đó. | PP trò chơi là PP tổ chức cho HS tìm hiểu một vấn đề hay luyện tập, thực hành những thao tác, kĩ năng, hành vi thông qua hợp tác nhóm. | PP trò chơi là PP tổ chức cho Học sinh thảo luận một trò chơi nào đó. | Module 15Thông tin phản hồi mục 4a: Bản chất của PP trò chơi/ trang 28 |
| 137 | Quy trình thực hiện phương pháp trò chơi gồm mấy bước? | 4 bước | 5 bước | 6 bước | 7 bước | Module 15Thông tin phản hồi mục 4b: Quy trình thực hiện PP trò chơi/ trang 28 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 138 | Các bước trong quy trình thực hiện phương pháp trò chơi lần lượt là:  | Bước 1: GV(hoặc GV cùng HS) lựa chọn trò chơi.Bước 2: Phổ biến tên trò chơi, cách chơi và luật chơi cho HS. Bước 3: HS tiến hành chơi. Bước 4: Tổ chức đánh giá sau trò chơi. | Bước 1: GV(hoặc GV cùng HS) lựa chọn trò chơi.Bước 2: Chuẩn bị các phương tiện, điều kiện cần thiết cho trò chơi. Bước 3: Phổ biến tên trò chơi, cách chơi và luật chơi cho HS.Bước 4: Tổ chức cho HS chơi thử ( nếu cần thiết).Bước 5: HS tiến hành chơi. Bước 6: Tổ chức đánh giá sau trò chơi.Bước 7: Hướng dẫn HS thảo luận về ý nghĩa giáo dục của trò chơi. | Bước 1: GV(hoặc GV cùng HS) lựa chọn trò chơi.Bước 2: Chuẩn bị các phương tiện, điều kiện cần thiết cho trò chơi. Bước 3: Phổ biến tên trò chơi, cách chơi và luật chơi cho HS.Bước 4: Tổ chức cho HS chơi thử ( nếu cần thiết).Bước 5: HS tiến hành chơi. Bước 6: Tổ chức đánh giá sau trò chơi. | Bước 1: GV(hoặc GV cùng HS) lựa chọn trò chơi.Bước 2: Chuẩn bị các phương tiện, điều kiện cần thiết cho trò chơi. Bước 3: Phổ biến tên trò chơi, cách chơi và luật chơi cho HS. Bước 4: HS tiến hành chơi. Bước 5: Tổ chức đánh giá sau trò chơi. | Module 15Thông tin phản hồi mục 4b: Quy trình thực hiện PP trò chơi/ trang 28 |
| 139 | Điều kiện để thực hiện có hiệu quả phương pháp trò chơi là: | Trò chơi phải dễ tổ chức và thực hiện, phải phù hợp với chủ đề bài học, với đặc điểm và trình độ học sinh tiểu học, với quỹ thời gian, với hoàn cảnh, điều kiện của lớp học, đồng thời không gây nguy hiểm cho HS. | HS phải nắm được quy tắc chơi và tôn trọng luật chơi. Phải quy định rõ thời gian, địa điểm chơi. Trò chơi phải được luân phiên, thay đổi một cách hợp lí để không gây nhàm chán cho HS. | Phải phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, tạo điều kiện cho học sinh tham gia tổ chức, điều khiển tất cả các khâu từ chuẩn bị, tiến hành trò chơi và đánh giá sau khi chơi. | Tất cả các ý trên | Module 15Thông tin phản hồi mục 4c: Điều kiện thực hiện có hiệu quả phương pháp trò chơi/ trang 28,29. |
| 140 | Phương pháp(PP) vấn đáp là gì? | PP vấn đáp là PP, trong đó giáo viên đặt ra những câu hỏi để học sinh trả lời qua đó học sinh lĩnh hội được nội dung bài học. | PP vấn đáp là PP, trong đó giáo viên đặt ra những câu hỏi để học sinh trả lời, hoặc có thể tranh luận với nhau và với cả giáo viên, qua đó học sinh lĩnh hội được nội dung bài học. | PP vấn đáp là PP, trong đó giáo viên đặt ra những tình huống có vấn đề để học sinh giải quyết qua đó học sinh lĩnh hội được nội dung bài học. | PP vấn đáp là PP, trong đó giáo viên tổ chức cho học sinh hợp tác theo nhóm nhỏ, qua đó học sinh lĩnh hội được nội dung bài học. | Module 15Thông tin phản hồi mục 4a: Bản chất của PP vấn đáp/ trang 30. |
| 141 | Đàm thoại tái hiện được dùng khi nào? | Khi giáo viên cần đặt mối liên hệ giữa kiến thức đã học với kiến thức sắp học hoặc khi cần củng cố kiến thức vừa mới học. | Khi giáo viên muốn dẫn dắt học sinh từng bước phát hiện ra bản chất của sự vật, tính quy luật của hiện tượng đang tìm hiểu. | Khi giáo viên muốn làm sáng tỏ một vấn đề nào đó để học sinh dễ hiểu, dễ nhớ. | Khi giáo viên muốn củng cố kiến thức vừa mới học. | Module 15Thông tin phản hồi mục 4a: Bản chất của PP vấn đáp/ trang 30, 31 |
| 142 |  Đàm thoại tái hiện là:  | Giáo viên đặt câu hỏi nhằm củng cố kiến thức vừa mới học. | Giáo viên dùng một hệ thống câu hỏi được sắp xếp hợp lí để dẫn dắt học sinh từng bước phát hiện ra bản chất của sự vật, tính quy luật của hiện tượng đang tìm hiểu, kích thích sự ham muốn hiểu biết. | Giáo viên lần lượt nêu ra những câu hỏi kèm theo những ví dụ minh họa nhằm mục đích làm sáng tỏ một vấn đề nào đó để học sinh dễ hiểu, dễ nhớ. | Giáo viên đặt ra những câu hỏi chỉ yêu cầu học sinh nhớ lại kiến thức đã biết và trả lời dựa vào trí nhớ, không cần suy luận. | Module 15Thông tin phản hồi mục 4a: Bản chất của PP vấn đáp/ trang 30, 31 |
| 143 | Đàm thoại gợi mở ( hay còn gọi là đàm thoại tìm tòi) là: | Giáo viên đặt các câu hỏi kèm theo sự hỗ trợ của các phương tiện nghe nhìn  | Giáo viên lần lượt nêu ra những câu hỏi kèm theo những ví dụ minh họa nhằm mục đích làm sáng tỏ một vấn đề nào đó để học sinh dễ hiểu, dễ nhớ. | Giáo viên dùng một hệ thống câu hỏi được sắp xếp hợp lí để dẫn dắt học sinh từng bước phát hiện ra bản chất của sự vật, tính quy luật của hiện tượng đang tìm hiểu, kích thích sự ham muốn hiểu biết. | Giáo viên đặt ra những câu hỏi chỉ yêu cầu học sinh nhớ lại kiến thức đã biết và trả lời dựa vào trí nhớ, không cần suy luận | Module 15Thông tin phản hồi mục 4a: Bản chất của PP vấn đáp/ trang 30, 31 |
| 144 | Giáo viên lần lượt nêu ra những câu hỏi kèm theo những ví dụ minh họa nhằm mục đích làm sáng tỏ một vấn đề nào đó để học sinh dễ hiểu, dễ nhớ là dạng đàm thoại:  |  Đàm thoại tái hiện.  | Đàm thoại sáng tạo. | Đàm thoại giải thích- minh họa. | Đàm thoại gợi mở (hay còn gọi là đàm thoại tìm tòi). | Module 15Thông tin phản hồi mục 4a: Bản chất của PP vấn đáp/ trang 30, 31 |
| 145 | Hình thức đàm thoại nào cần khuyến khích giáo viên sử dụng để nâng cao hiệu quả giảng dạy? |  Đàm thoại tái hiện.  | Đàm thoại gợi mở (hay còn gọi là đàm thoại tìm tòi). | Đàm thoại giải thích- minh họa. | Đàm thoại sáng tạo. | Module 15Thông tin phản hồi mục 4a: Bản chất của PP vấn đáp/ trang 31 |
| 146 | Quy trình thực hiện phương pháp vấn đáp gồm mấy bước? | 6 bước | 4 bước | 5 bước | 3 bước | Module 15Thông tin phản hồi mục 4b: Quy trình thực hiện phương pháp vấn đáp/ trang 31 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 147 | Các bước trong quy trình thực hiện phương pháp vấn đáp lần lượt là:  | Bước 1: Giáo viên đặt câu hỏi nhỏ, riêng rẽ.Bước 2: Giáo viên chỉ định từng học sinh trả lời hoặc để học sinh tự nguyện trả lời.Bước 3: Giáo viên tổng hợp ý kiến và nêu ra kết luận dựa trên những câu trả lời đúng của học sinh. | Bước 1: Giáo viên đặt câu hỏi nhỏ, riêng rẽ.Bước 2: Giáo viên dành thời gian cho học sinh suy nghĩ.Bước 3: Giáo viên chỉ định từng học sinh trả lời hoặc để học sinh tự nguyện trả lời.Bước 4: Giáo viên tổng hợp ý kiến và nêu ra kết luận dựa trên những câu trả lời đúng của học sinh. | Bước 1: Giáo viên đặt câu hỏi nhỏ, riêng rẽ.Bước 2: Giáo viên dành thời gian cho học sinh suy nghĩ.Bước 3: Giáo viên chỉ định từng học sinh trả lời hoặc để học sinh tự nguyện trả lời.Bước 4: Giáo viên kết luận.  | Bước 1: Giáo viên đặt câu hỏi nhỏ, riêng rẽ.Bước 2: Giáo viên chỉ định từng học sinh trả lời hoặc để học sinh tự nguyện trả lời.Bước 3: Giáo viên dành thời gian cho học sinh suy nghĩ. | Module 15Thông tin phản hồi mục 4b: Quy trình thực hiện phương pháp vấn đáp/ trang 31 |
| 148 | Để thực hiện có hiệu quả phương pháp vấn đáp, giáo viên cần chuẩn bị hệ thống câu hỏi như thế nào? | Giáo viên xây dựng hệ thống câu hỏi mở. Giáo viên đặt các câu hỏi kèm theo sự hỗ trợ của các phương tiện nghe nhìn. | Giáo viên cần chuẩn bị tốt hệ thống câu hỏi. Các câu hỏi có liên quan chặt chẽ với nhau, câu hỏi trước là tiền đề của câu hỏi sau, câu hỏi sau là sự kế thừa và phát triển kết quả của câu hỏi trước. Mỗi câu hỏi là một cái "nút" của từng bộ phận mà học sinh cần lần lượt tháo gỡ thì mới tìm được kết quả cuối cùng. | Giáo viên chuẩn bị hệ thống câu hỏi mở sau đó giáo viên lần lượt nêu ra những câu hỏi kèm theo những ví dụ minh họa nhằm mục đích làm sáng tỏ một vấn đề nào đó để học sinh dễ hiểu, dễ nhớ. | Giáo viên dùng hệ thống câu hỏi chỉ yêu cầu học sinh nhớ lại kiến thức đã biết và trả lời dựa vào trí nhớ, không cần suy luận | Module 15Thông tin phản hồi mục 4c: Điều kiện để thực hiện thực hiện phương pháp vấn đáp/ trang 31 |
| 149 | Để tăng hiệu quả của việc sử dụng phương pháp hỏi- đáp, giáo viên cần tổ chức đàm thoại như thế nào? | Giáo viên cần tổ chức đối thoại theo nhiều chiều: giáo viên hỏi học sinh, học sinh hỏi học sinh và học sinh hỏi giáo viên.  | Giáo viên cần tổ chức đối thoại theo nhiều chiều: giáo viên hỏi giáo viên, giáo viên hỏi học sinh và học sinh hỏi giáo viên.  | Giáo viên cần tổ chức đối thoại chỉ theo hai chiều: giáo viên hỏi học sinh, học sinh hỏi giáo viên.  | Giáo viên cần tổ chức đối thoại buộc phải xoay chiều: giáo viên hỏi học sinh, học sinh hỏi giáo viên.  | Module 15Thông tin phản hồi mục 4c: Điều kiện để thực hiện thực hiện phương pháp vấn đáp/ trang 31 |
| 150 | Điều kiện để thực hiện có hiệu quả phương pháp vấn đáp là: | Giáo viên cần tổ chức đối thoại xoay chiều : giáo viên hỏi học sinh, học sinh hỏi giáo viên.  | Giáo viên cần chuẩn bị thật tốt hệ thống câu hỏi; Các câu hỏi có liên quan chặt chẽ với nhau, câu hỏi trước là tiền đề của câu hỏi sau. | Giáo viên cần tổ chức đối thoại theo nhiều chiều: giáo viên hỏi học sinh, học sinh hỏi học sinh và học sinh hỏi giáo viên.  | Giáo viên cần chuẩn bị thật tốt hệ thống câu hỏi; Giáo viên cần tổ chức đối thoại theo nhiều chiều. | Module 15Thông tin phản hồi mục 4c: Điều kiện để thực hiện thực hiện phương pháp vấn đáp/ trang 31 |
| 151 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, quy định đánh giá định kì về học tập theo các mức nào? | Hoàn thành tốt, Hoàn thành, Chưa hoàn thành. | Tốt, Đạt, Chưa đạt. | Hoàn thành xuất sắc, Hoàn thành,Chưa hoàn thành. | Tốt, Đạt, Cần cố gắng. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 10, mục 3, trang 5 |
| 152 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, quy định đánh giá định kì về năng lực phẩm chất theo các mức nào? | Tốt, Đạt, Cần cố gắng. | Hoàn thành tốt, Hoàn thành, Chưahoàn thành | Đạt, Chưa đạt | Hoàn thành tốt, Hoàn thành. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 10, mục 2, trang 4 |
| 153 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, quy định đánh giá định kỳ về học tập của học sinh lớp 4, 5 vào thời điểm nào? | Giữa HKI, cuối HKI, giữa HKII và cuối năm học. | Cuối HKI và cuối HKII. | HKI và cuối năm học. | Cuối năm học. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 10, mục 3, trang 4 |
| 154 | Theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, GV sẽ ghi kết quả vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của HS vào thời điểm nào? | Cuối HKI và cuối năm học | Giữa HKI, cuối HKI, giữa HKII vàcuối năm học | Cuối HKI và cuối HKII | Cuối năm học. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 10, mục 3, trang 5 |
| 155 | Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học áp dụng đối với: | Trường tiểu học. | Cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. | Lớp tiểu học trong trường phổ thông có nhiều cấp học và trường chuyên biệt.  | Tất cả các ý trên. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 1, mục 1, trang 1 |
| 156 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, ai là người tham gia đánh giá thường xuyên học sinh? | Giáo viên, học sinh, cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất | Giáo viên, học sinh, Ban giám hiệu, trong đó đánh giá của Hiệu trưởng là quan trọng nhất. | Giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh. | Giáo viên, học sinh, cộng đồng. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 6, mục 2, trang 3 |
| 157 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, đánh giá định kỳ được hiểu như thế nào? | Đánh giá trong quá trình học tập, rèn luyện về kiến thức, kĩ năng, thái độ và một số biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và các hoạt động giáo dục.  | Đánh giá trong quá trình học tập, rèn luyện về kiến thức, kĩ năng, thái độ và một số biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh. | Là đánh giá kết quả giáo dục của học sinh sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh so với chuẩn kiến thức, kĩ năng quy định và sự hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. | Là đánh giá kết quả giáo dục của học sinh sau một giai đoạn học tập, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh so với chuẩn kiến thức, kĩ năng quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 10, mục 1, trang 4 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 158 | Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 có hiệu lực khi nào? | Ngày 22/9/2016 | Ngày 6/11/2016 | Ngày 28/9/2016 | Ngày 28/11/2016 | Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016  |
| 159 | Kế hoạch dạy học cho học sinh khuyết tật học hòa nhập được thực hiện như thế nào? | Xây dựng kế hoạch linh hoạt phù hợp cho từng cá nhân. | Chỉ dạy những môn học sinh tham gia được. | Giảm bớt một số môn học. | Chỉ cần cho học sinh được tham gia hòa nhập với các bạn. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 12, mục 1, trang 6 |
| 160 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, quy định nội dung đánh giá sự hình thành và phát triển năng lực của học sinh bao gồm: | Tự phục vụ, tự quản; tự học và giải quyết vấn đề | Tự phục vụ, tự quản; giao tiếp, hợp tác. | Tự phục vụ, tự quản; hợp tác; tự học và giải quyết vấn đề. | Tự phục vụ, tự quản; giao tiếp, hợp tác; tự học và giải quyết vấn đề. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 5, mục 2, trang 3 |
| 161 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, quy định nội dung đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất của học sinh bao gồm: | Chăm học, chăm làm; tự tin, trách nhiệm; trung thực, kỉ luật; đoàn kết yêu thương | Chăm học, chăm làm; tích cực tham gia hoạt động giáo dục; tự tin, tự trọng, tự chịu trách nhiệm | Trung thực, kỉ luật; đoàn kết; yêu gia đình, bạn và những người khác; yêu trường, lớp, quê hương, đất nước | Chăm học, chăm làm; tự tin, tự trọng, tự chịu trách nhiệm | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 5, mục 2, trang 4 |
| 162 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, đề bài kiểm tra định kì phù hợp với chuẩn kiến thức, kĩ năng và định hướng phát triển năng lực, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo mấy mức độ nhận thức của học sinh: | Năm mức độ |  Bốn mức độ | Ba mức độ | Hai mức độ | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 10, mục 2, trang 5 |
| 163 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, Quy định quyền của học sinh như sau: | Được nêu ý kiến và nhận xét sự hướng dẫn, giải thích của giáo viên, hiệu trưởng về kết quả đánh giá. | Được trao đổi với giáo viên về kết quả đánh giá bạn. | Cùng với nhóm bạn đánh giá giáo viên. | Được nêu ý kiến và nhận xét sự hướng dẫn, giải thích của giáo viên và nhóm bạn về kết quả đánh giá. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHN-BGDĐT Điều 20, mục 1, trang 10 |
| 164 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, Quy định trách nhiệm của học sinh là: | Được nêu ý kiến và nhận xét sự hướng dẫn, giải thích của giáo viên và nhóm bạn về kết quả đánh giá. | Tự nhận xét và tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn theo hướng dẫn của giáo viên. | Tự đánh giá bản thân theo yêu cầu của giáo viên. | Cùng với nhóm bạn đánh giá giáo viên. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHN-BGDĐT Điều 20, mục 2, trang 11 |
| 165 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, qui định khen thưởng học sinh “hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện” theo các điều kiện nào? | Kết quả đánh giá các môn học đạt hoàn thành tốt; các năng lực, phẩm chất đạt tốt. | Kết quả đánh giá các môn học đạt hoàn thành tốt; các năng lực, phẩm chất đạt tốt; bài kiểm tra định kì cuối năm học các môn học đạt 9 điểm trở lên. | Kết quả đánh giá các môn học đạt hoàn thành tốt; các năng lực, phẩm chất đạt; bài kiểm tra định kì cuối năm học các môn học đạt 9 điểm trở lên. | Kết quả đánh giá các môn học đạt hoàn thành tốt; các năng lực, phẩm chất đạt tốt; bài kiểm tra định kì cuối năm học các môn học đạt 8 điểm trở lên. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 16, mục1, trang 8 |
| 166 | Đối với học sinh khuyết tật không đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục chung được đánh giá dựa trên cơ sở: | Các môn học có nội dung giảm nhẹ. | Đánh giá một số môn học của học sinh. | Đánh giá theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân. | Tùy theo nội dung. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 12, mục1, trang 6 |
| 167 | Đề kiểm tra định kỳ phù hợp chuẩn kiến thức kỹ năng và định hướng phát triển năng lực gồm các câu hỏi bài tập được thiết kế theo mức 4 là: | Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân. | Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt. | Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống | Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề trong học tập, cuộc sống. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 10, mục 2, trang 5 |
| 168 | Đề kiểm tra định kỳ phù hợp chuẩn kiến thức kỹ năng và định hướng phát triển năng lực gồm các câu hỏi bài tập được thiết kế theo mức 3 là: | Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân. | Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống. hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt. | Biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống; | Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 10, mục 2, trang 5 |
| 169 | Theo Văn bản hợp nhất số 03 /VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, quy định *về chấm bài kiểm tra* như sau: | Bài kiểm tra được giáo viên nhận xét, cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm 0, không cho điểm thập phân và không được trả lại cho học sinh. | Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét, cho điểm theo thang điểm 10 và lưu ở trường. | Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét, cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm 0, không cho điểm thập phân và được trả lại cho học sinh. | Bài kiểm tra được giáo viên, nhận xét, cho điểm theo thang điểm 10 và được trả lại cho học sinh.  | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 10, mục 2, trang 5 |
| 170 | Theo Văn bản hợp nhất số 03 /VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, quy định về thang điểm bài kiểm tra như sau: | Bài kiểm tra được giáo viên nhận xét, cho điểm và trả lại cho học sinh. | Bài kiểm tra được giáo viên cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm0, không cho điểm thập phân. | Điểm của bài kiểm tra theo thang điểm 10, có thể có điểm thập phân. | Bài kiểm tra không cho điểm 0, không có điểm thập phân. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 10, mục 2, trang 5 |
| 171 | Nếu kết quả bài kiểm tra cuối học kì I và cuối năm học bất thường so với đánh giá thường xuyên, giáo viên cần xử lý như thế nào? | Tự ra đề kiểm tra để học sinh làm lại. | Đề xuất với nhà trường có thể cho học sinh làm bài kiểm tra khác để đánh giá đúng kết quả học tập của học sinh. | Đề xuất với tổ khối có thể cho học sinh làm bài kiểm tra khác để đánh giá đúng kết quả học tập của học sinh. | Giáo viên sử dụng bài kiểm tra có kết quà thấp để đánh giá đúng năng lực thật sự của học sinh. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 10, mục 2, trang 5 |
| 172 | Văn bản hợp nhất thông tư ban hành quy định về đánh giá học sinh tiểu học số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định *hồ sơ đánh giá và tổng hợp kết quả đánh giá học sinh tiểu học gồm:* | Học bạ và sổ ghi kết quả giáo dục. | Học bạ và Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp, phiếu liên lạc. | Học bạ và Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp, sổ ghi kết quả giáo dục. | Học bạ và Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 13, mục 1, trang 6 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 173 | Văn bản hợp nhất thông tư ban hành quy định về đánh giá học sinh tiểu học số 03/VBHN-BGD ĐT ngày 28/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm tra *giữa học kì I và giữa học kì II:* | Đối với lớp 4, lớp 5, có thêm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt, môn Toán, môn Khoa học, Lịch sử.  | Đối với lớp 4, lớp 5, có thêm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt, mônToán, môn Anh Văn và Tin học. | Đối với lớp 4, lớp 5, có thêm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt, môn Toán và các môn đánh giá bằng điểm số.  | Đối với lớp 4, lớp 5, có thêm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt, môn Toán.  | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHN BGDĐT Điều 10, mục 2, trang 5 |
| 174 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, quy định đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, đánh giá định kì bằng điểm số kết hợp với nhận xét; kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, trong đó quan trọng nhất là đánh giá của:  | Cha mẹ học sinh. | Học sinh. | Giáo viên. | Giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh.  | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHN-BGDĐT |
| 175 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, quy định các lần đánh giá định kì về học tập đối với khối 1, 2, 3 là:  | Giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II và cuối năm học.  | Cuối học kì I và cuối năm học. | Chỉ lớp 3 được đánh giá vào giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II và cuối năm học.  | Giữa học kì I, giữa học kì II.  | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 10, mục 2, trang 4 |
| 176 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, nội dung nào dưới đây là sai? | Giáo viên không thông báo trước lớp những điểm chưa tốt của học sinh.  | Giáo viên không thông báo trong cuộc họp cha mẹ học sinh những điểm chưa tốt của học sinh.  | Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chính trong việc đánh giá học sinh tại các lớp học. | Học sinh có quyền nêu ý kiến và được nhận sự hướng dẫn, giải thích của giáo viên, hiệu trưởng về kết quả đánh giá.  | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHN-BGDĐT |
| 177 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, phát biểu nào dưới đây là sai?  | Giáo viên không dùng điểm số ở các bài kiểm tra để đánh giá học sinh. | Giáo viên dùng điểm số để đánh giá định kì.  | Giáo viên không cho điểm 0 (không) và điểm thập phân ở các bài kiểm tra. | Bài kiểm tra được giáo viên trả lại cho học sinh. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHN-BGDĐT |
| 178 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư về Quy định đánh giá học sinh tiểu học, quy định đánh giá định kì về năng lực, phẩm chất học sinh được thực hiện bao nhiêu lần trong năm học:  | 1 lần | 2 lần | 3 lần | 4 lần | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 10, mục 2, trang 5 |
| 179 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, đối với môn Tiếng Việt và Toán lớp 4, 5, quy định có bao nhiêu bài kiểm tra định kì trong năm:  | 1 | 2 | 3 | 4 | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 10, mục 2, trang 4 |
| 180 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, đối với môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí lớp 4, 5, quy định có bao nhiêu bài kiểm tra định kì trong năm học? | 1 | 2 | 3 | 4 | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 10, mục 2, trang 4 |
| 181 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học, đánh giá định kì về học tập vào cuối học kì I và cuối năm đối với các môn học, những môn học nào có bài kiểm tra định kì? | Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Ngoại ngữ, Tin học, Tiếng dân tộc. | Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử và Địa lí. | Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Tiếng dân tộc. | Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Mĩ thuật. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 10, mục 2, trang 4 |
| 182 |  Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư về Quy định đánh giá học sinh tiểu học, quy định quyền và trách nhiệm của học sinh:  | Được nêu ý kiến và nhận sự hướng dẫn, giải thích của giáo viên, hiệu trưởng về kết quả đánh giá; tự nhận xét và tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn theo hướng dẫn của giáo viên. | Được nêu ý kiến và nhận sự hướng dẫn, giải thích của giáo viên, hiệu trưởng về kết quả đánh giá. | Tự nhận xét và tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn theo hướng dẫn của giáo viên. | Được nêu ý kiến và nhận xét sự hướng dẫn, giải thích của giáo viên và nhóm bạn về kết quả đánh giá. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 20, trang 10 |
| 183 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư về Quy định đánh giá học sinh tiểu học, đánh giá định kỳ bằng điểm số những môn học nào ở giữa học kỳ I và giữa học kỳ II đối với lớp 4, lớp 5?  | Toán, Tiếng Việt.  | Toán, Tiếng Việt, Khoa học, Lịch sửĐịa lý.  | Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sửĐịa lý, Ngoại ngữ, Tin học, Tiếng dân tộc.  | Tất cả các môn học.  | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 10, mục 2, trang 4 |
| 184 | Theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư về Quy định đánh giá học sinh tiểu học, bài kiểm tra môn Toán và Tiếng Việt giữa học kỳ I và giữa học kỳ II được quy định ở những khối lớp nào?  | Khối lớp 1, khối lớp 2 và khối lớp 3.  | Khối lớp 4 và khối lớp 5.  | Tất cả các khối lớp.  | Khối lớp 5.  | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 10, mục 2, trang 4 |
| 185 | Theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 về việc ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, về mục đích đánh giá giúp học sinh : | Có khả năng tự nhận xét, tham gia nhận xét; tự học, tự điều chỉnh cách học; giao tiếp, hợp tác; có hứng thú học tập và rèn luyện để tiến bộ. | Nhận định đúng những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của bản thân. | Có giải pháp kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh. | Tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động giáo dục học sinh. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 3, mục 2, trang 1 |
| 186 | Theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 về việc ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, quy định về yêu cầu đánh giá như sau:  | Đánh giá quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức, kĩ năng từng môn học và hoạt động giáo dục; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan. | Đánh giá quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức, kĩ năng từng môn học và hoạt động giáo dục khác theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. | Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh. | Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 4, mục 1, trang 2 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 187 | Theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 về việc ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, đánh giá thường xuyên được hiểu là: | Đánh giá quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức, kĩ năng từng môn học và hoạt động giáo dục khác theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. | Đánh giá trong quá trình học tập, rèn luyện về kiến thức, kĩ năng, thái độ và một số biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và các hoạt động giáo dục. | Những hoạt động nhận xét quá trình học tập của học sinh. | Nhận xét định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất của học sinh tiểu học. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 6, mục 1, trang 3 |
| 188 | Theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 về việc ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, đối với học sinh đã được hướng dẫn, giúp đỡ mà vẫn chưa đủ điều kiện hoàn thành chương trình lớp học, giáo viên xử lý như thế nào? | Giáo viên tiếp tục lập kế hoạch hướng dẫn, giúp đỡ học sinh cho đến khi đủ điều kiện. | Giáo viên quyết định cho học sinh ở lại lớp để không ảnh hưởng đến chất lượng của lớp học tiếp nối mà học sinh đó sẽ học. | Tùy theo mức độ chưa hoàn thành ở các môn học, hoạt động giáo dục, mức độ hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất, giáo viên lập danh sách báo cáo hiệu trưởng xem xét, quyết định việc lên lớp hoặc ở lại lớp. | Tùy theo mức độ chưa hoàn thành ở các môn học, hoạt động giáo dục, mức độ hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất, giáo viên trao đổi với phụ huynh học sinh để thống nhất cho học sinh lên lớp hoặc ở lại lớp. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHN-BGDĐT Điều 14, mục 1c, trang 7 |
| 189 | Đánh giá định kì về năng lực phẩm chất học sinh được xếp vào mức “Đạt” được hiểu là: | Đáp ứng tốt yêu cầu giáo dục, biểu hiện rõ và thường xuyên. | Đáp ứng được đầy đủ yêu cầu giáo dục, nhưng biểu hiện chưa rõ. | Đáp ứng được yêu cầu giáo dục, biểu hiện nhưng chưa thường xuyên; | Cơ bản đáp ứng được các yêu cầu giáo dục. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHN-BGDĐT Điều 10, mục 3b, trang 5 |
| 190 | Đánh giá định kì về học tập của học sinh được xếp vào mức “Hoàn thành” được hiểu là: | Thực hiện được các yêu cầu học tập của môn học hoặc hoạt động giáo dục. | Thực hiện tốt các yêu cầu học tập của môn học hoặc hoạt động giáo dục. | Chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập của môn học hoặc hoạt động giáo dục. | Đáp ứng tốt yêu cầu giáo dục, biểu hiện rõ và thường xuyên. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHN-BGDĐT Điều 10, mục 2b, trang 5 |
| 191 | Theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 về việc ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, học bạ của học sinh được lưu trữ như thế nào? | Do giáo viên lưu giữ cho đến khi học sinh đi học trường khác. | Do cha mẹ học sinh lưu giữ. | Nhà trường lưu giữ trong suốt thời gian học sinh học tại trường, được giao cho học sinh khi hoàn thành chương trình tiểu học hoặc đi học trường khác. | Cha mẹ học sinh giữ bản gốc, nhà trường lưu giữ bản photo có công chứng.để đối chiếu và được chuyển lên cấp học trên khi học sinh học hêt lớp cuối cấp. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 13, mục 3, trang 6 |
| 192 | Theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 về việc ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, học sinh hoàn thành chương trình lớp 5 (năm) được xác nhận và ghi vào học bạ như thế nào? | Đã tốt nghiệp tiểu học. | Hoàn thành chương trình lớp 5. | Hoàn thành chương trình tiểu học. | Đã tốt nghiệp lớp 5. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 14, mục 2, trang 7 |
| 193 | Theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 về việc ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, nhà trường tổ chức nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh nhằm mục đích gì? | Nhằm đảm bảo tính khách quan và trách nhiệm của giáo viên về kết quả đánh giá học sinh; giúp giáo viên nhận học sinh vào năm học tiếp theo có đủ thông tin cần thiết để có kế hoạch, biện pháp giáo dục hiệu quả. | Giúp giáo viên điều chỉnh, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm ngay trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học, giáo dục; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học. | Nhằm đảm bảo tính khách quan và trách nhiệm của giáo viên về kết quả đánh giá học sinh; giúp giáo viên nhận học sinh vào năm học tiếp theo có đủ thông tin học sinh. | Giúp giáo viên nhận học sinh vào năm học tiếp theo có đủ thông tin cần thiết để có kế hoạch, biện pháp giáo dục hiệu quả. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 15, mục 1, trang 7 |
| 194 | Đối tượng học sinh nào sau đây không được hiệu trưởng tặng giấy khen? | Học sinh có thành tích đột xuất trong năm học. | Học sinh có thành tích vượt trội hay tiến bộ vượt bậc về ít nhất một môn học hoặc ít nhất một năng lực, phẩm chất được giáo viên giới thiệu và tập thể lớp công nhận. | Kết quả đánh giá các môn học đạt Hoàn thành tốt, các năng lực, phẩm chất đạt Tốt; bài kiểm tra định kì cuối năm học các môn học đạt 9 điểm trở lên. | Kết quả đánh giá các môn học đạt Hoàn thành tốt, các năng lực, phẩm chất đạt; bài kiểm tra định kì cuối năm học các môn học đạt 9 điểm trở lên. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 16, mục 1, trang 8 |
| 195 | Thế nào là đánh giá thường xuyên về học tập của học sinh? | Giáo viên căn cứ vào các biểu hiện về nhận thức, kĩ năng, thái độ của học sinh ở từng năng lực, phẩm chất để nhận xét, có biện pháp giúp đỡ kịp thời. | Giáo viên dùng lời nói chỉ ra cho học sinh biết được chỗ đúng, chưa đúng và cách sửa chữa; viết nhận xét vào vở hoặc sản phẩm học tập của học sinh khi cần thiết, có biện pháp cụ thể giúp đỡ kịp thời. | Giáo viên sử dụng bài kiểm tra để đánh giá kết quả giáo dục của học sinh sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh. | Giáo viên dùng điểm số để đánh giá kết quả giáo dục của học sinh sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 6, mục 2a, trang 3 |
| 196 | Học sinh tham gia đánh giá thường xuyên về học tập là: | Học sinh được tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng năng lực, phẩm chất để hoàn thiện bản thân. | Học sinh được tự nhận xét và được tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng năng lực, phẩm chất để hoàn thiện bản thân. | Học sinh tự hoàn thành sản phẩm của mình. | Học sinh tự nhận xét và tham gia nhận xét sản phẩm học tập của bạn, nhóm bạn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập để học và làm tốt hơn. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 6, mục 2b, trang 3 |
| 197 | Học sinh tham gia đánh giá thường xuyên về năng lực, phẩm chất là: | Học sinh được tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện thái độ, nhận thức để hoàn thiện bản thân. | Học sinh được tự nhận xét và được tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng năng lực, phẩm chất để hoàn thiện bản thân. | Học sinh tự hoàn thiện mình. | Học sinh tự nhận xét và tham gia nhận xét sản phẩm học tập của bạn, nhóm bạn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập để học và làm tốt hơn. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT Điều 6, mục 3b, trang 4 |
| 198 | Mục đích đánh giá theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 hợp nhất thông tư về Quy định đánh giá học sinh tiểu học là gì? | Giúp giáo viên điều chỉnh, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học; giúp học sinh có khả năng tự nhận xét, tham gia nhận xét; tự học, tự điều chỉnh cách học; giao tiếp, hợp tác. | Giúp cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ tham gia đánh giá quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, quá trình hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của con em mình. | Giúp cán bộ quản lí giáo dục các cấp kịp thời chỉ đạo các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục. | Tất cả các ý trên. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHNBGDĐT, Điều 3, mục 3, trang 2 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Phương án trả lời** | **Tài liệu tham khảo** |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| 199 | Giáo viên chủ nhiệm ghi kết quả đánh giá giáo dục của học sinh vào học bạ trong thời gian nào? | Cuối năm học. | Cuối học kỳ. | Cuối cấp học. | Sau mỗi kỳ kiềm tra. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHN-BGDĐT, Điều 13, mục 3, trang 6 |
| 200 | Theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 về việc ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, đối với học sinh chưa được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học, giáo viên phải xử lý như thế nào? | Giáo viên cần có bài kiểm tra đánh giá bổ sung để xét hoàn thành chương trình lớp học. | Giáo viên lập kế hoạch, hướng dẫn, giúp đỡ; đánh giá bổ sung để xét hoàn thành chương trình lớp học. | Giáo viên lập danh sách báo cáo hiệu trưởng xem xét, quyết định việc lên lớp hoặc ở lại lớp. | Giáo viên tổ chức nghiệm thu, bài giao chất lượng học sinh để giúp giáo viên nhận học sinh vào năm học tiếp theo có kế hoạch, biện pháp giáo dục hiệu quả. | Văn bản hợp nhất số 03 /VBHN-BGDĐT Điều 14, mục 1b, trang 7 |